

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
KHOA KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TẠI
XÃ TẢ NGẢO, TỈNH LAI CHÂU**

Giáo viên hướng dẫn: MAI QUYÊN

Sinh viên thực hiện: NGUYỄN HẢI NAM

Mã Sinh viên : 1654020730

Lớp : K61- KTNN

Khóa học : 2016-2020



Hà Nội, 2021

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chương trình đào tạo và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện sau 4 năm học tập tại trường Đại học Lâm nghiệp, được sự đồng ý của Trường Đại học Lâm nghiệp, Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh và sự nhất trí của cô giáo hướng dẫn Cô Mai Quyên, em đã tiến hành thực hiện khóa luận tốt nghiệp: ***“Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Tả Ngảo, Huyện Sìn hồ, Tỉnh Lai Châu”***

Em xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc tới cô Mai Quyên đã nhiệt tình hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu và xây dựng đề tài. Em xin chân thành cảm ơn các cán bộ, người dân trong UBND xã Tả Ngảo, đã nhiệt tình giúp đỡ em trong quá trình điều tra thu thập tài liệu cho thực hiện đề tài.

Mặc dù bản thân em đã cố gắng hết sức, nhưng bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và các bạn để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Hà Nội, tháng 05 năm 2021

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Hải Nam



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
MỞ ĐẦU	1
1.1 . Lý do chọn đề tài.....	1
1.2 . Mục tiêu nghiên cứu.....	2
1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
1.4. Nội dung nghiên cứu	3
1.5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
1.5.1 Phương pháp thu thập số liệu.....	3
1.6. Kết cấu khóa luận.....	4
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP	5
1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	5
1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp.....	6
1.3. Vai trò của kinh tế nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế	10
1.4. Nội dung của phát triển kinh tế nông nghiệp.....	12
1.5. Những nhân tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế nông nghiệp	17
CHƯƠNG II: ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÃ TẢ NGẢO, HUYỆN SÌN HỒ	25
TỈNH LAI CHÂU.....	25
2.1. Điều kiện tự nhiên.	25
2.1.1. Vị trí địa lý, địa hình.	25
2.1.2. Khí hậu.	25
2.2. Điều kiện kinh tế xã hội.	26
2.2.1. Thực trạng sử dụng đất của xã Tả Ngảo.	26
2.2.2 Tình hình dân số và lao động.....	27
2.2.3. Văn hóa, giáo dục, y tế.....	28

2.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên-kinh tế xã hội của xã Tả Ngảo.....	32
CHƯƠNG III: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TRÊN	
ĐỊA BÀN XÃ TẢ NGẢO, HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU.....	35
3.1. Thực trạng phát triển kinh tế chung của xã Tả Ngảo.....	35
3.2.1 <i>Thực trạng phát triển trồng trọt của xã Tả Ngảo</i>	38
3.2.2 <i>Thực trạng phát triển chăn nuôi của xã Tả Ngảo</i>	39
3.2.3 <i>Thực trạng phát triển lâm nghiệp của xã Tả Ngảo</i>	41
3.3. Đánh giá sự phát triển của ngành nông nghiệp xã Tả Ngảo.	42
3.3.1. <i>Thành tựu</i>	42
3.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế nông nghiệp của xã.....	44
3.5. Biện pháp phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Tả Ngảo.	46
3.5.1 <i>Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của vùng.</i>	46
3.5.2. <i>Phát triển thị trường sản xuất nông, thủy sản và giải pháp thị trường tiêu thụ nông sản.</i>	48
3.5.3. <i>Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn mới</i>	49
3.5.4 <i>Thực hiện một số chính sách nông nghiệp, nông thôn mới.</i>	50
KẾT LUẬN.....	58
TÀI LIỆU THAM KHẢO	59



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	TỪ VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1	BVTV	Bảo vệ thực vật
2	CNH - HĐH	Công nghiệp hóa hiện đại hóa
3	HĐND	Hội đồng nhân dân
8	KHKT	Khoa học kỹ thuật
4	KT - XH	Kinh tế xã hội
7	NQ	Nghị quyết
5	QĐ	Quyết định
6	UBND	Ủy ban nhân dân



DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1 Thực trạng sử dụng đất của xã Tả Ngảo.....	265
Bảng 3.1: Tình hình phát triển kinh tế của xã Tả Ngảo.....	35
Bảng 3.2 Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp xã Tả Ngảo.....	366
Bảng 3.3 Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính (năm 2020)	388
Bảng 3.4. Kết quả chăn nuôi xã Tả Ngảo năm 2018 2020.....	39



MỞ ĐẦU

1.1. Lý do chọn đề tài

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin, nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất vật chất cơ bản, có vai trò quan trọng hàng đầu của mọi thời đại. Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp. Nông nghiệp cung cấp lương thực, thực phẩm để duy trì sự tồn tại của con người và sự phát triển của xã hội loài người, cung cấp các nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và là thị trường rộng lớn của các ngành công nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp là tiền đề của phân công lao động xã hội. C.Mác cho rằng: “Trong lịch sử chỉ đến khi nông nghiệp cung cấp đủ lương thực cho con người thì nền sản xuất xã hội mới phân chia thành nông nghiệp và công nghiệp”. Vì kinh tế nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng như vậy nên những năm qua Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm đến lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân, coi phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ kinh tế và nhiệm vụ chính trị xã hội có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Trong công cuộc đổi mới đã có nhiều chủ trương và giải pháp để thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp Việt Nam theo hướng hàng hóa. Tuy nhiên, chuyển đổi một nền nông nghiệp tự cung tự cấp lại vận hành trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nền nông nghiệp hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường là một quá trình đòi hỏi có sự thay đổi thực sự trong tư duy và hoạt động thực tiễn.

Xã Tả Ngạo có địa hình phức tạp, độ dốc cao do bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đá hiểm trở nên giao thông đi lại hết sức khó khăn. Kinh tế của xã chủ yếu là sản xuất nông – lâm nghiệp và chăn nuôi theo hộ gia đình, vị trí địa lý thuận lợi, có nhiều tiềm năng và lợi thế về phát triển kinh tế nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp luôn được sự quan tâm của UBND huyện, các phòng ban chuyên môn huyện Sìn Hồ, đặc biệt là cấp ủy chính quyền của xã xác định rõ về lĩnh vực kinh tế mũi nhọn đảm bảo an ninh lương thực hàng năm tăng thêm thu nhập cho nhân dân. Kinh tế nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều loại hình sản xuất kinh doanh mới ra đời và không

ngừng phát triển về cả quy mô, hiệu quả. Kết cấu hạ tầng KT-XH nông thôn được tăng cường, bộ mặt xã thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, hệ thống chính trị được củng cố, dân chủ được phát huy. Tuy nhiên, những thành tựu trên chưa xứng với tiềm năng, lợi thế của xã. Sản xuất nông nghiệp ở xã vẫn mang tính tự cấp đan xen với sản xuất hàng hóa do ruộng đất phân chia manh mún, năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa thấp. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới, khả năng xây dựng khai thác các điểm kinh tế kỹ thuật dịch vụ còn nhiều hạn chế, nhiều loại nông phẩm hàng hóa sức cạnh tranh thấp, đời sống của người nông dân thuần nông còn nhiều khó khăn... Đây là những vấn đề cấp bách trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của xã Tả Ngảo đồng thời những vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu và triển khai thực hiện nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp. Từ những lý do trên, tôi chọn vấn đề nghiên cứu ***“Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu”*** làm đề tài khóa luận.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1 Mục tiêu chung

Nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đề xuất biện pháp nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp tại địa phương.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp
- Phân tích đặc điểm cơ bản của xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ.
- Phân tích thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Tả Ngảo
- Đề xuất biện pháp nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Tả Ngảo

1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- ***Đối tượng nghiên cứu:*** Phát triển kinh tế nông nghiệp ở xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu

- ***Phạm vi nghiên cứu***

+ **Phạm vi nội dung:** nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp tại xã Tả Ngảo bao gồm các lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp.

+ Phạm vi không gian: Khóa luận nghiên cứu sự phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Tả Ngảo

+ Phạm vi thời gian: số liệu sử dụng trong khóa luận được thu thập trong giai đoạn 2018 - 2020

1.4. Nội dung nghiên cứu

- Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp của xã.
- Đặc điểm cơ bản của xã Tả Ngảo
- Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Tả Ngảo
- Biện pháp phát triển kinh tế nông nghiệp xã Tả Ngảo.

1.5. Phương pháp nghiên cứu

1.5.1 Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu sử dụng trong khóa luận là số liệu thứ cấp bao gồm: các tài liệu cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp được thu thập tại các đề tài nghiên cứu, Sách, báo, tạp chí, internet.

Các tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của xã Tả Ngảo, số liệu về diện tích các loại cây trồng, số lượng, sản lượng các con vật nuôi, năng suất các loại cây trồng, giá trị sản xuất nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi... được thu nhập từ báo cáo tổng kết các năm 2018, 2019, 2020 của UBND xã Tả Ngảo và bộ phận thống kê của xã Tả Ngảo.

1.5.2 Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu sử dụng trong khóa luận được xử lý bằng phần mềm microsoft excel.

1.5.3 Phương pháp phân tích số liệu

Để phân tích số liệu khóa luận sử dụng 2 phương pháp:

+ Thống kê mô tả: sử dụng các chỉ tiêu số lớn nhất, số nhỏ nhất, số bình quân của diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi, giá trị sản xuất các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ... để thấy được sự phát triển về kinh tế nông nghiệp của xã Tả Ngảo.

+ Thống kê so sánh: so sánh về diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng, vật nuôi, giá trị sản xuất các ngành trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản qua 3 năm 2018 – 2020. Sử dụng các chỉ tiêu như tốc độ phát triển liên hoàn, tốc độ phát triển bình quân để thấy được xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp xã Tả Ngảo.

1.6. Kết cấu khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận về phát triển kinh tế nông nghiệp.

Chương II: Đặc điểm cơ bản của xã Tả Ngảo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Chương III: Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Tả Ngảo huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.



CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1 Nông nghiệp

Nông nghiệp là một ngành kinh tế quốc dân, một trong những bộ phận chủ yếu của sản xuất vật chất, sản xuất thực phẩm cho nhân dân và nguyên liệu cho công nghiệp. Trong nông nghiệp, việc sản xuất sản phẩm không những gắn liền với quá trình kinh tế, mà cũng gắn liền với quá trình tự nhiên của tái sản xuất.

Như vậy, nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi làm tư liệu và nguyên liệu lao động chủ yếu tạo ra lương thực thực phẩm và một số nguyên liệu cho công nghiệp. Nông nghiệp là một ngành sản xuất lớn, bao gồm nhiều chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi, sơ chế nông sản, theo nghĩa rộng, còn bao gồm cả lâm nghiệp, thủy sản.

Trong nông nghiệp ruộng đất là một trong những tư liệu sản xuất chủ yếu. Đặc điểm của ruộng đất với tư cách tư liệu sản xuất là: sử dụng ruộng đất đúng đắn, thì độ phì của đất không bị cạn kiệt mà tăng lên. Đặc trưng cho nông nghiệp là tính thời vụ của những công việc quan trọng nhất về sản xuất, sản phẩm, là sự tách rời khá lớn giữa thời gian sản xuất và thời kỳ làm việc do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp tạo nên.

1.1.2. Kinh tế nông nghiệp

Kinh tế nông nghiệp là một ngành kinh tế quốc dân có chức năng phân tích ảnh hưởng của các quy luật kinh tế trong nông nghiệp, áp dụng những thành tựu kinh tế vào thực tế lãnh đạo các cơ sở nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển lực lượng sản xuất.

Lý luận và thực tiễn đã chứng minh rằng, kinh tế nông nghiệp đóng vai trò nền tảng khởi đầu cho sự phát triển KT - XH của hầu hết các quốc gia trên thế giới, dựa vào sản xuất nông nghiệp để tạo sản lượng lương thực, thực phẩm cần

thiết đủ để nuôi sống dân tộc mình và tạo nền tảng cho các ngành, các hoạt động kinh tế khác phát triển. Khi nhu cầu xã hội ngày càng cao, các hoạt động KT-XH phát triển, nguồn lực tự nhiên phục vụ phát triển nông nghiệp eo hẹp dần, khi đó nông nghiệp giảm bớt phụ thuộc vào tự nhiên còn điều kiện tự nhiên thì giảm dần khả năng tự tái tạo, lúc này phát triển nông nghiệp phải dựa trên cơ sở ứng dụng tiến bộ của khoa học kỹ thuật để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khan hiếm phục vụ SXNN. Nông nghiệp không chỉ là ngành kinh tế đơn thuần, mà còn là ngành kinh tế phức tạp gắn với hệ thống sinh học và kỹ thuật, do bởi cơ sở để SXNN được dựa vào việc sử dụng tiềm năng sinh học của cây trồng, vật nuôi. Kinh tế nông nghiệp chỉ phát triển khi các yếu tố tự nhiên vận động ổn định, đồng thời người sản xuất có sự quan tâm thỏa đáng, gắn lợi ích của họ với quá trình áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học nhằm tạo ra ngày càng nhiều sản phẩm cuối cùng.

Kinh tế nông nghiệp còn là một môn khoa học nghiên cứu những vấn đề kinh tế của sản xuất nông nghiệp, mối quan hệ giữa người với người, tác động và sự vận dụng cụ thể các quy luật kinh tế về sản xuất và phân phối sản phẩm trong nội bộ ngành nông nghiệp.

Kinh tế nông nghiệp là quan hệ sản xuất nông nghiệp, biểu hiện bằng những hình thức sở hữu tư liệu sản xuất, những hình thức tiêu dùng các sản phẩm sản xuất ra với những hình thức sản xuất, trao đổi, phân phối và cơ chế quản lý tương ứng của Nhà nước đối với toàn bộ nền nông nghiệp.

1.1.3. Phát triển kinh tế nông nghiệp

Phát triển kinh tế nông nghiệp là quá trình lớn lên hay tăng tiến và mọi mặt của nền kinh tế nông nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Phát triển sức sản xuất trong nông nghiệp, phát triển công lao động trong nông nghiệp, nâng cao dân trí, giải quyết tốt vấn đề môi trường.

1.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

Nông nghiệp là một trong hai ngành sản xuất vật chất chủ yếu của xã hội. Sản xuất nông nghiệp có những đặc điểm riêng mà các ngành sản xuất khác không thể có đó là:

- Đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế

Trong nông nghiệp, ruộng đất là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được: Đất đai là điều kiện cần thiết cho tất cả các ngành sản xuất, nhưng nội dung kinh tế của nó lại rất khác nhau. Trong nông nghiệp, đất đai có nội dung kinh tế khác, nó là tư liệu sản xuất chủ yếu không thể thay thế được. Ruộng đất bị giới hạn về mặt diện tích, con người không thể tăng thêm theo ý muốn chủ quan, nhưng sức sản xuất ruộng đất là chưa có giới hạn, nghĩa là con người có thể khai thác chiều sâu của ruộng đất nhằm thoả mãn nhu cầu tăng lên của loài người về nông sản phẩm. Chính vì thế trong quá trình sử dụng phải biết quý trọng ruộng đất, sử dụng tiết kiệm, hạn chế việc chuyển đất nông nghiệp sang xây dựng cơ bản, tìm mọi biện pháp để cải tạo và bồi dưỡng đất làm cho ruộng đất ngày càng màu mỡ hơn, sản xuất ra nhiều sản phẩm trên mỗi đơn vị diện tích với chi phí thấp nhất trên đơn vị sản phẩm.

Đây là đặc điểm quan trọng phân biệt nông nghiệp với công nghiệp. Không có sản xuất nông nghiệp nếu không có đất đai. Quy mô và phương hướng sản xuất mức độ thâm canh và cả việc tổ chức lãnh thổ phụ thuộc nhiều vào đất đai. Đặc điểm này đòi hỏi trong sản xuất nông nghiệp phải duy trì và nâng cao độ màu mỡ cho đất, phải sử dụng hợp lý và tiết kiệm đất.

- Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là các cây trồng và vật nuôi

Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là các sinh vật, các cơ thể sống. Chúng sinh trưởng và phát triển theo các quy luật sinh học và chịu tác động rất lớn của quy luật tự nhiên. Chúng rất nhạy cảm với yếu tố ngoại cảnh, mọi sự thay đổi về điều kiện thời tiết, khí hậu đều tác động trực tiếp đến sự phát triển của cây trồng, vật nuôi, đến kết quả thu hoạch sản phẩm cuối cùng. Cây trồng và vật nuôi với tư cách là tư liệu sản xuất đặc biệt được sản xuất trong bản thân nông nghiệp bằng cách sử dụng trực tiếp sản phẩm thu được ở chu trình sản xuất trước làm tư liệu sản xuất cho chu trình 10 sản xuất sau. Để chất lượng giống cây trồng và vật nuôi tốt hơn, đòi hỏi phải thường xuyên chọn lọc, bồi dục các giống hiện có, nhập nội những giống tốt, tiến hành lai tạo để tạo ra những giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt thích hợp với điều kiện từng vùng và từng

địa phương. Vì vậy, việc hiểu biết và tôn trọng các quy luật sinh học, quy luật tự nhiên là một đòi hỏi quan trọng trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

- Sản xuất nông nghiệp có tính mùa vụ

Đây là đặc điểm điển hình của sản xuất nông nghiệp, nhất là trong trồng trọt. Đây là nét đặc thù điển hình nhất của sản xuất nông nghiệp, bởi vì một mặt sản xuất nông nghiệp là quá trình tái sản xuất kinh tế liên hệ mật thiết với quá trình tái sản xuất tự nhiên, thời gian hoạt động và thời gian sản xuất xen kẽ vào nhau, song lại không hoàn toàn trùng hợp nhau, sinh ra tính thời vụ cao trong nông nghiệp. Tính thời vụ trong nông nghiệp là vĩnh cửu không thể xoá bỏ được, trong quá trình sản xuất chỉ tìm cách hạn chế nó. Mặt khác do sự biến thiên về điều kiện thời tiết - khí hậu, mỗi loại cây trồng có sự thích ứng nhất định với điều kiện đó, dẫn đến những mùa vụ khác nhau. Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây trồng - loại cây xanh có vai trò cực kỳ to lớn là sinh vật có khả năng hấp thu và tàng trữ nguồn năng lượng mặt trời để biến từ chất vô cơ thành chất hữu cơ, tạo nguồn thức ăn cơ bản cho con người và vật nuôi. Như vậy, tính thời vụ có tác động rất quan trọng đối với nông dân. Tạo hoá đã cung cấp nhiều yếu tố đầu vào thiết yếu cho nông nghiệp, như: ánh sáng, ôn độ, độ ẩm, lượng mưa, không khí. Lợi thế tự nhiên đã ưu ái rất lớn cho con người, nếu biết lợi dụng hợp lý có thể sản xuất ra những nông sản với chi phí thấp nhưng chất lượng. Để khai thác và lợi dụng nhiều nhất tặng vật của thiên nhiên đối với nông nghiệp đòi hỏi phải thực hiện nghiêm khắc những khâu công việc ở thời vụ tốt nhất như thời vụ gieo trồng, bón phân, làm cỏ, tưới tiêu... Việc thực hiện kịp thời vụ cũng dẫn đến tình trạng căng thẳng về lao động đòi hỏi phải có giải pháp tổ chức lao động hợp lý, cung ứng vật tư - kỹ thuật kịp thời, trang bị công cụ, máy móc thích hợp, đồng thời phải coi trọng việc bố trí cây trồng hợp lý, phát triển ngành nghề dịch vụ, tạo thêm việc làm ở những thời kỳ nông nhàn.

- Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên

Đặc điểm này bắt nguồn từ đối tượng lao động của nông nghiệp là cây trồng và vật nuôi. Cây trồng và vật nuôi chỉ có thể tồn tại và phát triển khi có đủ năm yếu tố cơ bản của tự nhiên là nhiệt độ, nước, ánh sáng, không khí và dinh

duỡng. Các yếu tố này kết hợp chặt chẽ với nhau, cùng tác động trong một thể thống nhất và không thể thay thế nhau.

Thời tiết, khí hậu của nước ta có những thuận lợi rất cơ bản. Đó là hàng năm có lượng mưa bình quân tương đối lớn, đảm bảo nguồn nước ngọt rất phong phú cho sản xuất và đời sống, có nguồn năng lượng mặt trời dồi dào (cường độ, ánh sáng, nhiệt độ trung bình hàng năm là 23 độ C...), tập đoàn cây trồng và vật nuôi phong phú, đa dạng. Nhờ những thuận lợi cơ bản đó mà ta có thể gieo trồng và thu hoạch quanh năm, với nhiều cây trồng và vật nuôi phong phú, có giá trị kinh tế cao, như cây công nghiệp lâu năm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả.

- Trong nền kinh tế hiện đại, nông nghiệp trở thành ngành sản xuất hàng hóa

Biểu hiện cụ thể của xu hướng này là việc hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp và đẩy mạnh chế biến nông sản để nâng cao giá trị thương phẩm.

Ngoài những đặc điểm chung của sản xuất nông nghiệp nêu trên, nông nghiệp nước ta còn có những đặc điểm riêng cần chú ý đó là:

- Nông nghiệp nước ta đang từ tình trạng lạc hậu, tiến lên xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCHN) không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm này cho thấy xuất phát điểm của nền nông nghiệp nước ta khi chuyển lên xây dựng, phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa là rất thấp so với các nước trong khu vực và thế giới. Đến nay nhiều nước có nền kinh tế phát triển, nông nghiệp đã đạt trình độ sản xuất hàng hóa cao, nhiều khâu công việc được thực hiện bằng máy móc, một số loại cây trồng vật nuôi chủ yếu được thực hiện cơ giới hóa tổng hợp hoặc tự động hóa. Năng suất ruộng đất và năng suất lao động đạt trình độ cao, tạo ra sự phân công lao động sâu sắc trong nông nghiệp và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Tỷ lệ dân số và lao động nông nghiệp giảm xuống cả tương đối và tuyệt đối. Đời sống người dân nông nghiệp và nông thôn được nâng cao ngày càng xích gần với thành thị. Trong khi đó, nông nghiệp nước ta với điểm xuất phát còn rất thấp, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, kết cấu hạ tầng nông thôn còn yếu kém, lao

động thuần nông còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lao động xã hội, năng suất ruộng đất và năng suất lao động còn thấp...

- Nền nông nghiệp nước ta là nền nông nghiệp nhiệt đới, có pha trộn tính chất ôn đới, nhất là ở miền Bắc và được trải rộng trên 4 vùng rộng lớn, phức tạp: Trung du, miền núi, đồng bằng và ven biển. Đặc điểm này đem lại cho nông nghiệp nhiều thuận lợi cơ bản, đồng thời cũng có những khó khăn rất lớn trong quá trình phát triển sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, điều kiện thời tiết - khí hậu nước ta cũng có nhiều khó khăn lớn, như: mưa nhiều và lượng mưa thường tập trung vào ba tháng trong năm gây lũ lụt, ngập úng. Nắng nhiều thường gây nên khô hạn, có nhiều vùng thiếu cả nước cho người, vật nuôi sử dụng. Khí hậu ẩm ướt, sâu bệnh, dịch bệnh dễ phát sinh và lây lan gây ra những tổn thất lớn đối với mùa màng. Trong quá trình đưa nông nghiệp nước ta lên sản xuất hàng hoá, chúng ta tìm kiếm mọi cách để phát huy những thuận lợi cơ bản nêu trên và hạn chế những khó khăn do điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên gây ra, đảm bảo cho nông nghiệp phát triển nhanh chóng và vững chắc

1.3. Vai trò của kinh tế nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế

1.3.1. Ngành nông nghiệp cung cấp lương thực, thực phẩm cho xã hội

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản, giữ vai trò to lớn trong việc phát triển kinh tế ở hầu hết các nước, nhất là các nước đang phát triển. Ở những nước này còn nghèo, đại bộ phận sống bằng nghề nông. Tuy nhiên ở những nước có nền công nghiệp phát triển cao, mặc dù tỷ trọng GDP nông nghiệp không lớn nhưng khối lượng nông sản của các nước này khá lớn và không ngừng tăng lên, đảm bảo cung cấp đủ cho đời sống con người những sản phẩm cần thiết là lương thực, thực phẩm. Lương thực, thực phẩm là yếu tố đầu tiên, có tính chất quyết định sự tồn tại và phát triển của con người và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Xã hội càng phát triển, đời sống của con người ngày càng được nâng cao thì nhu cầu của con người về lương thực, thực phẩm cũng ngày càng tăng cả về

số lượng, chất lượng và chủng loại. Điều đó do tác động của các nhân tố: sự gia tăng dân số và nhu cầu nâng cao mức sống của con người.

Thực tiễn lịch sử các nước trên thế giới đã chứng minh, chỉ có thể phát triển kinh tế một cách nhanh chóng, chừng nào quốc gia đó đã có an ninh lương thực. Nếu không đảm bảo an ninh lương thực thì khó có sự ổn định chính trị và thiếu sự đảm bảo cơ sở pháp lý, kinh tế cho sự phát triển, từ đó sẽ làm cho các nhà kinh doanh không yên tâm bỏ vốn vào đầu tư dài hạn.

1.3.2. Cung cấp yếu tố đầu vào cho phát triển công nghiệp và khu vực đô thị.

Nông nghiệp của các nước đang phát triển là khu vực dự trữ và cung cấp lao động cho phát triển công nghiệp và đô thị.

Khu vực nông nghiệp còn cung cấp nguồn nguyên liệu to lớn cho công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến. Thông qua công nghiệp chế biến, giá trị của sản phẩm nông nghiệp nâng lên nhiều lần, nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hoá, mở rộng thị trường...

Nông nghiệp đặc biệt là nông nghiệp của các nước đang phát triển là khu vực dự trữ và cung cấp lao động cho phát triển công nghiệp và đô thị; khu vực nông nghiệp còn cung cấp nguồn nguyên liệu to lớn cho công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến. Thông qua công nghiệp chế biến, giá trị của sản phẩm nông nghiệp nâng lên nhiều lần, nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hoá, mở rộng thị trường...; khu vực nông nghiệp là nguồn cung cấp vốn lớn nhất cho sự phát triển kinh tế trong đó có công nghiệp, nhất là giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, bởi vì đây là khu vực lớn nhất, xét cả về lao động và sản phẩm quốc dân. Nguồn vốn từ nông nghiệp có thể được tạo ra bằng nhiều cách, như tiết kiệm của nông dân đầu tư vào các hoạt động phi nông nghiệp, thuế nông nghiệp, ngoại tệ thu được do xuất khẩu nông sản... trong đó thuế có vị trí và vai trò rất quan trọng.

1.3.3. Làm thị trường tiêu thụ của công nghiệp và dịch vụ.

Nông nghiệp và nông thôn là thị trường tiêu thụ lớn của công nghiệp. Ở hầu hết các nước đang phát triển, sản phẩm công nghiệp, bao gồm tư liệu tiêu

dùng và tư liệu sản xuất. Sự thay đổi về cầu trong khu vực nông nghiệp, nông thôn sẽ có tác động trực tiếp đến sản lượng ở khu vực phi nông nghiệp.

Phát triển mạnh mẽ nông nghiệp, nâng cao thu nhập dân cư nông nghiệp, làm tăng sức mua từ khu vực nông thôn sẽ làm cho cầu về sản phẩm công nghiệp tăng, thúc đẩy công nghiệp phát triển, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm của nông nghiệp và có thể cạnh tranh với thị trường thế giới.

1.3.4. Nông nghiệp tham gia vào xuất khẩu.

Nông nghiệp được coi là ngành đem lại nguồn thu nhập ngoại tệ lớn. Các loại nông, lâm thủy sản dễ dàng gia nhập thị trường quốc tế hơn so với các hàng hóa công nghiệp. Vì thế, ở các nước đang phát triển, nguồn xuất khẩu để có ngoại tệ chủ yếu dựa vào các loại nông, lâm, thủy sản.

Tuy nhiên xuất khẩu nông, lâm thủy sản thường bất lợi do giá cả trên thị trường thế giới có xu hướng giảm xuống, trong lúc đó giá cả sản phẩm công nghiệp tăng lên, tỷ giá kéo khoảng cách giữa hàng nông nghiệp và hàng công nghệ ngày càng mở rộng làm cho nông nghiệp, nông thôn bị thua thiệt so với công nghiệp và đô thị.

Gần đây một số nước đa dạng hoá sản xuất và xuất khẩu nhiều loại nông lâm thủy sản, nhằm đem lại nguồn ngoại tệ đáng kể cho đất nước.

1.3.5. Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường.

Nông nghiệp và nông thôn có vai trò to lớn, là cơ sở trong sự phát triển bền vững của môi trường vì sản xuất nông nghiệp gắn liền trực tiếp với môi trường tự nhiên: đất đai, khí hậu, thời tiết, thủy văn. Nông nghiệp sử dụng nhiều hoá chất như phân bón hoá học, thuốc trừ sâu bệnh ... làm ô nhiễm đất và nguồn nước. Quá trình canh tác, sản xuất nông nghiệp dễ gây ra xói mòn ở các triền dốc thuộc vùng đồi núi và khai hoang mở rộng diện tích đất rừng. Vì thế cần tìm những giải pháp thích hợp để duy trì và tạo ra sự phát triển bền vững của môi trường.

1.4. Nội dung của phát triển kinh tế nông nghiệp

1.4.1 Phát triển kinh tế nông nghiệp về lượng

1.4.1.1. Tăng quy mô sản lượng

Trong đất nông nghiệp cũng có sự thay đổi đáng kể theo hướng tăng lên cả đối với đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản nhờ đẩy mạnh khai hoang, thủy lợi và cải tạo đất. Tuy nhiên cơ cấu đất nông nghiệp lại có sự thay đổi mạnh mẽ do chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong thời gian qua. Nhưng nhìn chung quy mô sử dụng đất của hộ rất nhỏ.

Để mở rộng quy mô trước tiên cần phát triển các dự án chăn nuôi, trồng trọt với quy mô lớn, nhất là cần có các chính sách để giải quyết vấn đề diện tích manh mún, nhỏ lẻ tại miền Bắc và miền Trung. Đồng thời, chú trọng đào tạo, tuyên truyền cho bà con nông dân thay đổi dần tập quán sản xuất. Cụ thể, mở rộng cánh đồng mô hình mẫu lớn tại các vùng, địa phương để thuận lợi trong quá trình trồng trọt, chăm sóc và thu hoạch vì áp dụng được công nghệ định vị toàn cầu. Riêng đối với chăn nuôi nếu xây dựng được vùng nguyên liệu với quy mô lớn sẽ đáp ứng nhu cầu thức ăn cho gia súc cũng như áp dụng được công nghệ mới trong chăm sóc để đảm bảo các yêu cầu về thị trường xuất khẩu.

1.4.1.2 Tăng giá trị sản xuất nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ kết quả lao động trực tiếp hữu ích của ngành nông nghiệp trong một thời kỳ nhất định và được thể hiện bằng giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong thời kỳ đó của ngành nông nghiệp.

1.4.1.3. Tăng trưởng các ngành trong nội bộ sản xuất nông nghiệp

* Giá trị sản xuất của hoạt động trồng trọt bao gồm:

- Giá trị sản phẩm thực tế có thu hoạch của các loại cây trồng: lúa, ngô và các loại cây lương thực có hạt; cây lấy củ có chứa chất bột, mía, thuốc lá, thuốc lào, các cây lấy sợi, rau, dưa, cây ăn quả hàng năm...

- Giá trị sản phẩm thực tế có thu hoạch của cây trồng lâu năm: cây ăn quả lâu năm, cây lấy quả chứa dầu, hồ tiêu, cao su, cà phê, chè, cây gia vị.

- Giá trị cây sản phẩm phụ của các cây trồng nông nghiệp thực tế có sử dụng như: rơm, rạ, ...

- Giá trị của sản xuất của các hoạt động chăn nuôi bao gồm:

- Giá trị sản phẩm chính chăn nuôi thu được như: trọng lượng thịt lợn hơi tăng lên trong kỳ (gồm trọng lượng thịt lợn hơi xuất chuồng và chênh lệch trọng lượng thịt hơi cuối kỳ và đầu kỳ) của trâu, bò, lợn, gia cầm...

- Giá trị sản phẩm thu được thông qua giết thịt như trứng, sữa...

- Giá trị sản phẩm bán ra/giết thịt của các loại vật nuôi khác: chó, mèo, tằm.. *

Giá trị sản xuất các hoạt động dịch vụ nông nghiệp bao gồm:

- Giá trị sản xuất các hoạt động dịch vụ phục vụ cây trồng gồm: xử lý cây trồng, phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh, cắt, xén, tỉa cây lâu năm, làm đất, tưới tiêu...

- Giá trị doanh thu của các hoạt động phục vụ chăn nuôi gồm: bảo hiểm vật nuôi, kiểm dịch vật nuôi, rửa chuồng trại, lấy phân...

- Giá trị/doanh thu của các hoạt động dịch vụ sau thu hoạch gồm: giá trị nhận khâu chuẩn bị trước khi bán sản phẩm (làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy).

- Giá trị sản xuất các hoạt động săn bắt, đánh bẫy và hoạt động dịch vụ có liên quan

- Săn bắt và bẫy thú để bán, làm thực phẩm, lấy lông, da để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, nuôi trong sở thú hay gia đình.

1.4.2. Phát triển kinh tế nông nghiệp về chất

1.4.2.1 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý

Chuyển dịch là sự thay đổi quan hệ về mặt lượng các thành phần, các yếu tố và các bộ phận hợp thành kinh tế nông nghiệp theo xu hướng nhất định.

Cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng không phải là bất biến mà sẽ vận động phát triển và chuyển hóa từ cơ cấu kinh tế cũ sang cơ cấu kinh tế mới. Sự chuyển dịch đó đòi hỏi phải có thời gian và trải qua những bậc thang nhất định của sự phát triển. Đầu tiên là sự thay đổi về lượng đã tích lũy đến độ nhất định tất yếu dẫn đến sự thay đổi về chất. Đó là quá trình chuyển hóa từ cơ cấu kinh tế cũ thành cơ cấu kinh tế mới phù hợp và có hiệu quả hơn.

1.4.2.2 Tăng năng suất nông nghiệp

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh, áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia cả trước mắt và lâu dài, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong nước và xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, nguồn nước, lao động và nguồn vốn, nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân... là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển ngành nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh nước ta đang trong tiến trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

1.4.2.3 Giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho nông nghiệp

Lao động nông thôn chủ yếu thuộc bộ phận dân số không có việc làm thường xuyên, hay còn gọi là thiếu việc làm hoặc bán thất nghiệp. Trong nông thôn, lao động trồng trọt có tính thời vụ rất rõ rệt, do đó hiện tượng thiếu việc làm thể hiện rất rõ. Để hạn chế vấn đề này, cần đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, lựa chọn công thức luân canh đa dạng hợp lý và đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp. Cần có sự bổ sung của các ngành chăn nuôi và các ngành nghề phi nông nghiệp. Ngành chăn nuôi sử dụng lao động đều đặn hơn trồng trọt, tuy nhiên các hộ nông dân có quy mô chăn nuôi lớn mang tính hàng hóa còn rất ít, do đó hoạt động chăn nuôi trong các nông hộ chủ yếu là sử dụng thời gian làm tranh thủ trong ngày. Trong những ngày nhàn rỗi, lao động dành cho chăn nuôi cũng chỉ chiếm rất ít thời gian lao động trong ngày.

1.4.2.4 Bảo vệ môi trường sống và sản xuất nông nghiệp

Để hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, những năm qua các cấp, các ngành và các địa phương đã triển khai nhiều biện pháp hữu hiệu như:

- Về chăn nuôi: thường xuyên phối hợp với các địa phương tổ chức, đánh giá hiện trạng, tác động của ô nhiễm môi trường đối với phát triển kinh tế, xã hội và có biện pháp xử lý các cơ sở chăn nuôi gây ô nhiễm. Đồng thời vận động người dân đầu tư, xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học như nuôi lợn trên nền đệm lót sinh học, sử dụng chế phẩm sinh học, công nghệ khí sinh học

biogas nhằm xử lý chất thải chăn nuôi, giảm mùi hôi thối, diệt khuẩn có hại và tăng khả năng phòng chống, chống dịch bệnh cho vật nuôi, nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

- Lĩnh vực thủy sản: nên tăng cường quản lý thức ăn, hóa chất, thuốc kháng sinh, chế phẩm sinh học sử dụng trong nuôi trồng thủy sản, hướng dẫn bà con thực hiện nghiêm túc quy trình nuôi, nhất là quy trình chuẩn bị ao nuôi. Tiến hành quan trắc mẫu nước, xét nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật quan trắc, cảnh báo môi trường nước, nuôi trồng thủy sản, từ đó khuyến cáo người dân không nên thả nuôi mới vào thời điểm độ mặn của nước xuống thấp và không nên cấp nước trực tiếp ao nuôi, cần phải qua ao lắng để xử lý một số chỉ tiêu lý hóa như độ kiềm, độ trong, chỉ số NH₄-N... nhằm đảm bảo chất lượng nước phù hợp nhất khi đưa vào ao nuôi.

- Lĩnh vực thủy lợi: điều tiết vận hành công trình phù hợp, đảm bảo tưới tiêu theo hướng ngăn mặn xả ô nhiễm. Đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình nhằm giảm thiểu nguồn nước bị ô nhiễm trên kênh, rạch, quan trắc mẫu nước để xác định diễn biến chất lượng nguồn nước. Làm cơ sở cho việc vận hành công trình hiệu quả, hạn chế thiệt hại có thể xảy ra, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Lĩnh vực lâm nghiệp: tập trung công tác quản lý bảo vệ rừng, và nên kết hợp với các trường học, cơ quan và lực lượng vũ trang địa phương, tích cực trồng cây góp phần nâng cao tỷ lệ phủ xanh cho thành phố.

- Đối với ngành trồng trọt: cần ứng dụng rộng rãi công nghệ phòng trừ dịch hại tổng hợp trong phòng trừ sâu bệnh cây trồng. Nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, ứng dụng công nghệ sạch vào sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ việc lưu hành và sử dụng thuốc BVTV không có trong danh mục cho phép. Sau khi phun thuốc phải đảm bảo đúng thời gian cách ly mới được thu hoạch sản phẩm. Các công tác này góp phần giúp nông dân sử dụng thuốc trên đồng ruộng một cách đúng đắn phù hợp, tiết kiệm, đảm bảo môi trường sinh thái và sức khỏe người sử dụng. Chúng ta phải luôn xác định bảo vệ môi trường nông nghiệp nông thôn là một công việc lâu dài, phải làm công phu, bền bỉ, cần được

thực hiện một cách đồng bộ, các cấp các ngành phối hợp chặt chẽ với người dân qua công tác tuyên truyền, phổ biến..

1.5. Những nhân tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế nông nghiệp

1.5.1. Chính sách của Đảng và nhà nước

Phát triển nông nghiệp và nông thôn là vấn đề chiến lược, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Bởi Đảng và Nhà nước luôn đề ra mục tiêu CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Để phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao phúc lợi cho nhân dân. Chính phủ cần có chính sách tác động vào khu vực nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất cây trồng và tạo việc làm cho nông thôn.

Khu vực nông nghiệp là một nguồn cung cấp vốn cho phát triển kinh tế, có ý nghĩa lớn là vốn tích lũy ban đầu cho công nghiệp hóa.

Dân số nông thôn ở các nước phát triển là thị trường quan trọng để tiêu thụ sản phẩm công nghiệp như tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

Hiện nay Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh công tác cập nhật và ứng dụng khoa học công nghệ mới nhất cho nông nghiệp, đặc biệt là các nghiên cứu về cây trồng, vật nuôi, giống mới cho ra năng suất cao và thời gian chờ thu hoạch ngắn đi, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Kinh tế nông nghiệp trong thời gian qua có sự chuyển dịch đáng kể, góp phần làm cho đời sống người nông dân cải thiện đáng kể. Điều đó chứng tỏ những chính sách về vốn đầu tư cho phát triển kinh tế nông nghiệp, các chính sách hỗ trợ nông dân phát triển trong sản xuất, chuyển giao công nghệ đã thực sự mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó để tạo điều kiện cho việc thực hiện chuyên môn hóa, thâm canh cao trong việc sản xuất nông nghiệp nhà nước cũng có chính sách ruộng đất giúp người dân thuận lợi canh tác.

1.5.2. Nhân tố về điều kiện tự nhiên

1.5.2.1 Đất đai

Đất là tài nguyên vô cùng quý giá và là tư liệu sản xuất không thể thay thế của ngành nông nghiệp. Tài nguyên đất ở nước ta khá đa dạng với 14 nhóm đất khác nhau, trong đó có hai nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất là đất feralit và đất

phù sa. Việc sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên đất là rất quan trọng đối với phát triển kinh tế nông nghiệp ở nước ta, đặc biệt là đối với diện tích đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn, xói mòn, bạc màu ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp và cần được cải tạo.

Đất đai là cơ sở đầu tiên, quan trọng nhất để tiến hành trồng trọt, chăn nuôi. Quỹ đất, tính chất đất và độ phì của đất có ảnh hưởng đến quy mô, cơ cấu, năng suất và sự phân bố cây trồng, vật nuôi. Kinh nghiệm dân gian đã chỉ rõ vai trò của đất đối với sự phát triển và phân bố nông nghiệp. Nguồn tài nguyên đất nông nghiệp trên thế giới rất hạn chế chỉ chiếm 12% diện tích tự nhiên, trong khi số dân không ngừng tăng lên. Đối với Việt Nam đất nông nghiệp đang có xu hướng giảm xuống do tốc độ tăng dân số và đô thị hóa ngày càng cao. Đó là chưa kể đến việc mất đất do nhiều nguyên nhân như: xói mòn, rửa trôi, nhiễm mặn và chuyển đổi mục đích sử dụng

Việt Nam là quốc gia có sự đa dạng cao về điều kiện tự nhiên giữa các vùng, vì vậy đã tạo ra tính đa dạng của các loại sản phẩm nông, lâm, thủy sản. 7 vùng kinh tế sinh thái từ Bắc xuống Nam là: Trung du Miền núi phía Bắc; Đồng bằng Sông hồng; Bắc trung bộ; Nam trung bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long có điều kiện tự nhiên về đất đai, khí hậu rất khác nhau nên đã tạo ra các lợi thế và bất lợi thế ở từng vùng trong phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản, hình thành nhân tố tự nhiên, ảnh hưởng mạnh tới định hướng phát triển và cơ cấu sản phẩm của ngành nông nghiệp ở các vùng, tạo nên tính đa dạng về sản phẩm và sự khác biệt về cơ cấu ngành nông nghiệp theo vùng sinh thái.

1.5.2.2 Khí hậu và nguồn nước

Khí hậu và nguồn nước có ảnh hưởng mạnh mẽ tới việc xác định cơ cấu cây trồng, thời vụ, khả năng xen canh, tăng vụ và hiệu quả sản xuất nông nghiệp ở từng địa phương. Sự phân chia các đới trồng trọt chính trên thế giới như nhiệt đới, cận đới và ôn đới liên quan đến sự phân đới khí hậu. Sự phân mùa của khí hậu quy định tính mùa vụ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.5.2.3 Sinh vật

Sinh vật với các loài cây con, đồng cỏ và nguồn thức ăn tự nhiên là cơ sở để thuần dưỡng, tạo nên các giống cây trồng và vật nuôi, cơ sở thức ăn tự nhiên cho gia súc và tạo điều kiện phát triển chăn nuôi.

1.5.3 Nhân tố kinh tế xã hội

- Dân cư và nguồn lao động

Dân cư và nguồn lao động ảnh hưởng tới hoạt động nông nghiệp ở hai mặt: vừa là lực lượng sản xuất trực tiếp vừa là nguồn tiêu thụ các nông sản. Các cây trồng và vật nuôi cần nhiều công chăm sóc đều phân bố ở những nơi đông dân, có nhiều lao động, truyền thống sản xuất, tập quán ăn uống của các dân tộc có ảnh hưởng không nhỏ tới phân bố cây trồng vật nuôi.

- Các quan hệ sở hữu ruộng đất

Các quan hệ sở hữu ruộng đất có ảnh hưởng rất lớn tới con đường phát triển nông nghiệp và các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp. Việc thay đổi quan hệ sở hữu ruộng đất ở mỗi quốc gia thường gây ra những tác động rất lớn tới phát triển nông nghiệp.

- Tiến bộ khoa học- kỹ thuật

Sự phát triển của KH - CN là một trong các nhân tố chủ yếu tạo điều kiện để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng, là yếu tố quan trọng, là động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế phát triển. Bởi vì, sự phát triển của KH - CN không những làm thay đổi các công cụ sản xuất theo hướng hiện đại, tạo điều kiện nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, mà còn làm thay đổi cả phương thức lao động, tạo khả năng đổi mới những nguyên tắc và công nghệ sản xuất trong các ngành kinh tế. Từ đó, làm cho năng suất của các ngành truyền thống tăng cao, hình thành nên các ngành sản xuất kinh doanh mới. Sự thay đổi về tốc độ phát triển của các ngành và sự hình thành các ngành mới chính là sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng dưới tác động của KH - CN. Ngày nay, KH - CN trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và sự tác động của nó đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp được thể hiện đậm nét cả khi xem xét về phương diện lịch sử. Trong nông nghiệp, KH - KT đã có những tác động mạnh mẽ về cơ giới hoá,

điện khí hóa, thủy lợi hoá, cách mạng về sinh học. Từ đó, hàng loạt giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao và hiệu quả kinh tế từng bước được đưa vào sản xuất. Nhờ đó, nông nghiệp có thể rút bớt các điều kiện để chuyển sang các ngành sản xuất có giá trị sử dụng và giá trị kinh tế cao. Có thể nói, sự phát triển của KH - CN đã tạo điều kiện tiền đề cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Sự phát triển của nông nghiệp nhờ tác động của KH - CN đã tạo ra những ngành mới trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Đến lượt nó sự phát triển của nông nghiệp và kinh tế nông thôn sẽ tạo những điều kiện cho KH - CN phát triển.

Tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp thể hiện tập trung ở các biện pháp cơ giới hóa (sử dụng máy móc trong các khâu làm đất, chăm sóc và thu hoạch), thủy lợi hóa (xây dựng hệ thống kênh tưới tiêu, áp dụng tưới tiêu theo khoa học), hóa học hóa (sử dụng rộng rãi phân hóa học, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, chất kích thích cây trồng...), áp dụng công nghệ sinh học (lai giống, biến đổi gen, cấy mô...). Do đó, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là kết quả tất yếu của quá trình phát triển khoa học. Khi xác định được một cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ tạo điều kiện đầu tư, phát triển KH - CN, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Thị trường

Thị trường nông nghiệp là một tập hợp những thỏa thuận, dựa vào đó mà các chủ thể kinh tế trong và ngoài ngành nông nghiệp có thể trao đổi hàng hóa nông sản hay các dịch vụ cho nhau. Do sản xuất nông nghiệp có mục đích chính là sản xuất ra nông sản hàng hoá, nên điều kiện về thị trường tuy là nhân tố bên ngoài nhưng lại giữ vị trí quyết định đến sự tồn tại và phát triển kinh tế nông nghiệp. Điều kiện về thị trường bao gồm cả thị trường các yếu tố đầu vào của sản xuất nông nghiệp và thị trường sản phẩm đầu ra, chúng ta không thể chỉ coi trọng thị trường sản phẩm đầu ra, mà coi nhẹ thị trường các yếu tố đầu vào của vùng chuyên môn hoá sản xuất nông nghiệp. Thực tiễn cho thấy rằng, nếu sản xuất ra những nông sản không đạt yêu cầu về chất lượng, sản phẩm có giá thành cao, thì dù công tác tiếp thị được tiến hành hoàn hảo đến mấy cũng là vô ích. Do vậy, khi đặt vấn đề giải quyết thị trường cho việc sản xuất nông nghiệp, cần đặt

nó trong toàn bộ quá trình kinh doanh, điều kiện thực tế của mỗi vùng, địa phương để xem xét và giải quyết. Sự phân tích, đánh giá thị trường sản phẩm đầu ra rất quan trọng và quyết định sự thành công và phát triển kinh tế nông nghiệp. Chẳng hạn, cũng là sản phẩm đầu ra của nông nghiệp, nhưng đó là sản phẩm để tiêu dùng trực tiếp của dân cư, hay là sản phẩm làm nguyên liệu đầu vào của công nghiệp chế biến, hoặc đó là sản phẩm dễ vận chuyển đi xa hay khó vận chuyển đi xa... Những phân tích đó giúp cho sự định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp đạt hiệu quả cao nhất trong kinh doanh, cũng như trong bảo vệ các tài nguyên nông nghiệp. Ngoài ra khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản có ảnh hưởng mạnh và trực tiếp đến phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp. Nếu năng lực cạnh tranh của các sản phẩm nông sản thấp thì nó sẽ làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp không thể đạt tới mục tiêu đề ra hoặc đạt ở mức thấp và cơ cấu ngành vẫn không đem lại hiệu quả, làm kéo dài quá trình này và gây tổn kém, lãng phí các nguồn lực xã hội. Ảnh hưởng cụ thể của năng lực cạnh tranh sản phẩm tới chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp thể hiện trên các mặt sau: Tạo thuận lợi cho xuất khẩu hàng hóa nông lâm thủy sản, thị trường xuất hàng hóa nông lâm thủy sản mở rộng nhờ vào chất lượng hàng hóa tăng lên, giá thành sản xuất thấp, hệ thống quy trình sản xuất thực phẩm an toàn vệ sinh, xuất xứ nguồn gốc được hoàn thiện; giúp người sản xuất tiếp cận nhanh với thị trường để ra quyết định đầu tư đúng, nâng cao giá trị, mở rộng quy mô sản xuất, tạo ra chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp bền vững. Hiện nay sức mua của thị trường trong nước còn nhiều hạn chế; sự biến động phức tạp của thị trường xuất khẩu làm tăng tính rủi ro, ảnh hưởng xấu đến chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta.

Thị trường tiêu thụ có tác động mạnh mẽ đến sản xuất nông nghiệp và giá cả nông sản. Thị trường còn có tác dụng điều tiết đối với sự hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp. Xung quanh thành phố, các trung tâm công nghiệp lớn ở nhiều nước trên thế giới đều hình thành vành đai nông nghiệp ngoại thành với hướng chuyên môn hóa sản xuất rau, thịt, sữa, trứng

cung cấp cho nhu cầu dân cư. Do đó việc phân tích và đánh giá thị trường là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp

1.5.4. Yếu tố nguồn lực đầu tư sản xuất và hoạt động cung ứng dịch vụ nông nghiệp.

Các yếu tố nguồn lực có thể tồn tại dưới hình thái vật chất, bao gồm: đất đai, máy móc, thiết bị, kho tàng, nguyên nhiên vật liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn, sức lao động với kỹ năng và kinh nghiệm sản xuất nhất định... Nguồn lực sản xuất nông nghiệp cũng có thể tồn tại dưới hình thái giá trị. Chúng ta sử dụng đồng tiền làm thước đo để định lượng và quy đổi mọi nguồn lực khác nhau về hình thái vật chất được sử dụng vào nông nghiệp thành một đơn vị tính toán thống nhất. Sự kết hợp hợp lý các nguồn lực đầu tư cho sản xuất và các hoạt động cung ứng dịch vụ nông nghiệp có ảnh hưởng rất lớn tới quy mô, sản lượng và chất lượng đầu ra sản phẩm nông nghiệp, quyết định sự thành công của sản xuất nông nghiệp. Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nhu cầu vốn sẽ rất lớn. Cơ sở hạ tầng như giao thông, thông tin liên lạc phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm, phát sinh nhu cầu mới từ khu vực lân cận nhằm phát huy các tiềm năng tự nhiên, khai thác các lợi thế mới của vùng, tạo điều kiện phát triển các ngành nghề kinh doanh mới. Do đó, cần có một giải pháp về vốn phù hợp điều kiện về kinh tế của đất nước, địa phương nhằm thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu nhanh và hiệu quả hơn. Hiện nay, do thu nhập của người dân ngày càng tăng, sản phẩm tiêu dùng của họ cũng đòi hỏi khắt khe hơn về chất lượng. Việc đầu tư cho nông nghiệp sẽ làm tăng năng suất lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm.

1.5.5 Nhân tố về tổ chức- kỹ thuật.

Nhân tố về tổ chức kỹ thuật gồm: các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, tiếp thu khoa học kỹ thuật và đưa vào thực tế áp dụng. Các mô hình kinh tế nông nghiệp mới tạo điều kiện cho nông nghiệp và nông thôn phát triển mạnh làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Trong nội bộ ngành chăn nuôi nông nghiệp, giảm tỷ trọng ngành trồng trọt xuống, tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi lên.

1.5.6 Nhân tố quốc tế.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường cần chú trọng sự tác động và ảnh hưởng của thị trường quốc tế tới cơ cấu kinh tế nông nghiệp của mỗi nước. Ngày nay, quá trình hợp tác và giao lưu kinh tế ngày càng mở rộng thì hầu hết các quốc gia đều thực hiện chiến lược mở. Thông qua quan hệ thương mại quốc tế, các quốc gia này càng tham gia sâu hơn vào quá trình hợp tác phân công lao động quốc tế. Đây là nhân tố hết sức quan trọng ảnh hưởng tới quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng ở mỗi quốc gia. Mặt khác thông qua thị trường quốc tế mà mình tham gia thì mỗi quốc gia lại tăng thêm các cơ hội tiếp cận những thành tựu khoa học, công nghệ và kỹ thuật mới cũng như thu hút các nguồn vốn đầu tư nhằm phát triển các ngành kinh tế, nâng cao trình độ công nghệ kỹ thuật, đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

1.5.7. Yếu tố năng lực của chủ thể sản xuất.

Lực lượng lao động trong nông nghiệp là yếu tố năng động và cách mạng nhất của lực lượng sản xuất, nó quyết định hiệu quả hoạt động kinh doanh. Nhân tố này luôn bao gồm hai khía cạnh, đó là số lượng và chất lượng lao động. Cả hai khía cạnh này đều ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến sự phát triển kinh tế nông nghiệp. Nếu lao động nông nghiệp có số lượng thích hợp, có chất lượng cao thì sẽ ảnh hưởng rất tích cực đến phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp. Ngược lại nếu lao động nông nghiệp thiếu hoặc đủ về số lượng so với yêu cầu của sản xuất, nhưng yếu kém về chất lượng thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển và chuyển dịch ngành nông nghiệp, đồng thời khó đạt năng suất và hiệu quả lao động cao.

- Ngày nay, kinh tế thị trường đã phát triển đến sự thống nhất khu vực và thế giới, người lao động trong nông nghiệp muốn là chủ thể sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa thì không thể chỉ dừng lại ở sản xuất hàng hóa giản đơn mà phải là những người có trình độ kinh doanh hàng hóa phát triển, phải có tri thức làm giàu. Một mặt người lao động nông nghiệp phải tự vươn lên năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm; phải có sự trợ giúp đắc lực của giáo dục và đào tạo, dịch vụ khuyến nông, đặc biệt là vai trò quy hoạch, đầu tư lớn và đồng

bộ của Nhà nước. Đặc biệt trình độ dân trí, khả năng lao động, kỹ năng nghề nghiệp, tính cần cù, thông minh... là những yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành và phát triển nền nông nghiệp hàng hóa. Trong thực tế, trình độ sản xuất kinh doanh trong nông nghiệp hàng hóa phải cao hơn người sản xuất trong nền kinh tế tự nhiên, phải từ bỏ tập quán và thói quen sản xuất theo kiểu tự cung, tự cấp, dám bỏ sức và tiền của vào sản xuất cái gì có khả năng nhất, hiệu quả nhất.



CHƯƠNG II

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA XÃ TẢ NGẢO, HUYỆN SÌN HỒ TỈNH LAI CHÂU

2.1. Điều kiện tự nhiên.

2.1.1. Vị trí địa lý, địa hình.

Tả Ngảo cách thị trấn Sìn Hồ 12km về phía nam. Tính theo thời điểm kiểm kê đất đai, hiệu chỉnh địa giới hành chính năm 2019 có diện tích sản xuất là 3.939,12 ha/8.081.96 ha đất tự nhiên chiếm 48.74%. Toàn xã có 873 hộ với 4884 nhân khẩu gồm 03 dân tộc cùng sinh sống, trong đó: Xã có 13 bản, 7 bản vùng thấp và 6 bản vùng cao.

Tả Ngảo có địa hình phức tạp, độ dốc cao do bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đá hiểm trở nên giao thông đi lại hết sức khó khăn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông – lâm nghiệp và chăn nuôi theo hộ gia đình.

2.1.2. Khí hậu.

Khí hậu thời tiết là yếu tố tự nhiên, có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân. Xã Tả Ngảo có khí hậu nhiệt đới gió mùa, trời hay se lạnh mưa nhiều thuộc khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam. Đặc điểm nổi bật nhất là sự tương phản giữa mùa Đông và mùa hè, cả về tính chất phạm vi và cường độ của các trung tâm khí áp, các khối không khí thịnh hành và hệ thống thời tiết kèm theo cũng thay đổi theo mùa. Mùa mưa: bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10 với đặc trưng là nóng, ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ trung bình cao nhất là 24°C, lượng mưa từ 1300-1700mm, chiếm 70% lượng mưa cả năm. Mùa khô: bắt đầu từ giữa tháng 11 cho đến tháng 3 năm sau, có khí hậu rất lạnh, ít mưa, thường gây lạnh đột ngột, nhiệt độ trung bình 11 – 15 °C.

Lượng mưa: lượng mưa hàng năm từ 1400-2000mm, tập trung vào tháng 5,6,7,8 (chiếm 80% lượng mưa trong năm).

Gió, bão: vào mùa mưa xã Tả Ngảo luôn phải hứng chịu những cơn mưa nặng hạt, nhiều lúc kèm theo mưa đá gió bão gây khó khăn cho nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản.

2.2. Điều kiện kinh tế xã hội.

2.2.1. Thực trạng sử dụng đất của xã Tả Ngảo.

Thực hiện chương trình quy hoạch đất thổ cư, đất canh tác, đất nông, lâm nghiệp để xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 đã làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai, vận động Nhân dân không xâm canh, xâm cư. Trong năm 2020 bộ phận “Một cửa” của xã đã tiếp nhận 9 vụ tranh chấp đất đai (đã hòa giải thành 2 vụ, 4 vụ chuyển sang các xã Làng Mô, Lũng Thàng, Sà Dề Phìn, 2 vụ đã hòa giải 3 lần nhưng chưa thành, 1 vụ đang trong thời gian xác minh, giải quyết). Hồ sơ đề nghị đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2 trường hợp.

Tiếp nhận 8 đơn của người dân ý kiến về công tác giải phóng mặt bằng tuyến đường Ka Sin Chải, UBND xã đã chỉ đạo cán bộ, công chức xã phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện, chủ đầu tư, đơn vị thi công theo đúng tiến độ. Hỗ trợ giải phóng mặt bằng tuyến đường từ trung tâm xã (Thà Giàng Chải) đi bản Lao Lử Đê: Tổng số hộ được hỗ trợ là 58 hộ, tổng kinh phí được hỗ trợ đền bù là 3.305.695.000 đồng.

Bảng 2.1 Thực trạng sử dụng đất của xã Tả Ngảo.

Năm	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tổng diện tích đất tự nhiên	449,82	100	449,82	100	449,82	100
1. Đất nông nghiệp	338,03	75,14	337,15	74,95	336,5	74,8
2. Đất phi nông nghiệp	91,79	20,4	96,67	21,49	105,32	23,42
3. Đất chưa sử dụng	20	4,45	16	3,56	8	1,77

(Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Tả Ngảo)

UBND xã đã vận động Nhân dân các bản có dự án mở đường xây dựng hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt, làm đường nội bản hiến đất thực hiện các công trình.

Xã đã chỉ đạo các bản tuyên truyền, vận động Nhân dân phối hợp tốt với ngành điện đẩy nhanh tiến độ trồng cột điện để lập phương án hỗ trợ các hộ gia đình có đất bị ảnh hưởng.

Đất nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu diện tích đất đai của xã, năm 2018 đất nông nghiệp chiếm 75,14% tổng diện tích đất tự nhiên của xã. Đất phi nông nghiệp chiếm 23,42 % năm 2020 trong cơ cấu sử dụng đất. Từ năm 2018-2020 diện tích đất phi nông nghiệp tăng. Đất chưa sử dụng chiếm tỷ lệ rất nhỏ và ngày càng giảm theo quy luật tự nhiên từ 20 ha (năm 2018) xuống còn 8 (năm 2020) chiếm 1,77 % tổng số diện tích đất tự nhiên, do diện tích đất phi nông nghiệp tăng.

2.2.2 Tình hình dân số và lao động.

Lao động là yếu tố quan trọng quyết định đến mọi quá trình sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế phát triển ở nước ta lao động nông nghiệp chiếm 3/4 tổng số lao động trong cả nước. Do vậy việc sử dụng hợp lý nguồn lao động và nâng cao chất lượng, năng suất lao động trong nông nghiệp nói riêng và trong ngành kinh tế nói chung là một vấn đề hết sức quan trọng nhằm tăng khối lượng sản phẩm, bố trí cân đối lại lao động giữa các ngành các khu vực kinh tế, giữa thành thị và nông thôn... Còn dân số là yếu tố phản ánh sản xuất đương thời, cho phép ta dự đoán được khả năng đáp ứng nhu cầu lao động cho sản xuất ở hiện tại và tương lai, chính vì mối quan hệ như vậy mà chúng ta cần phải quan tâm đến cả hai vấn đề dân số và lao động để làm sao có tỷ lệ thích hợp và sử dụng hiệu quả nhất nhằm bố trí lao động cho các ngành, các lĩnh vực để phát huy hết nguồn lực lao động sẵn có.

Xã Tả Ngảo được hình thành bởi 11 bản với 4878 dân số, dân số chủ yếu sống bằng nông nghiệp, hộ nông nghiệp chiếm 75,4% trong tổng dân số của xã, điều đó chứng tỏ ngành nông nghiệp vẫn giữ một vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế của xã, ta thấy lao động trong nông nghiệp có tỷ trọng cao hơn lao động phi nông nghiệp trong tổng lao động của xã chiếm 75,4%. Điều này cho thấy

nông nghiệp là ngành sản xuất chủ đạo của xã. Người dân trong xã có truyền thống cần cù, chăm chỉ, giàu kinh nghiệm trong sản xuất. Tuy nhiên lực lượng lao động trong ngành nông nghiệp phần lớn lại là lao động phổ thông và chưa qua đào tạo. Thực tế cho thấy muốn có sự chuyển dịch lao động từ ngành nông nghiệp sang ngành phi nông nghiệp đòi hỏi phải có quá trình đào tạo lâu dài, ít nhất là 1 năm đối với lao động có tay nghề trung bình, đối với lao động có trình độ cao thì đòi hỏi thời gian đào tạo lâu hơn. Bên cạnh quá trình đào tạo thì xã cần phải có chính sách thu hút nguồn nhân lực sau khi đào tạo trở lại địa phương để làm việc lâu dài là hết sức cần thiết. Mặt khác, lao động ở xã thường mang đặc tính, người lao động vừa làm việc trong ngành nông nghiệp, vừa làm việc trong ngành phi nông nghiệp nên hiệu quả công việc không cao, tính chuyên môn hóa thấp. Hệ quả này, một mặt là do lao động trong nông nghiệp với tư liệu sản xuất chủ yếu là ruộng đất nhưng mức độ tích tụ ruộng đất lại không cao, sản xuất mang tính manh mún chưa thực sự mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân, mặt khác là lao động nông nghiệp lại mang tính thời vụ nhiều hơn so với các ngành khác. Nguyên nhân chính là do đa phần là lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo và số lượng lại nhiều, đa phần là các hộ nghèo và cận nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn của xã, do đó thu nhập bình quân theo đầu người đối với người lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp còn thấp, chưa đảm bảo mức sống.

2.2.3. Văn hóa, giáo dục, y tế.

Bên cạnh việc chú trọng phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, chăm lo gia đình chính sách, giải quyết các vấn đề xã hội được chính quyền xã rất quan tâm.

*** Văn hóa**

Thực hiện Nghị quyết TW 5 khóa VIII về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. UBND xã phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã kết hợp tổ chức tuyên truyền vận động quần chúng Nhân dân xây dựng bản văn hóa, gia đình văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh, gia đình mẫu mực. Năm 2020 xã đăng kí 13 bản văn hóa và 769 hộ gia đình văn hóa. Số bản văn hóa được công nhận là 10 bản, đạt 100% kế

hoạch, số hộ đạt gia đình văn hóa được công nhận là 611 hộ, đạt 91,2 % kế hoạch huyện giao.

***Về văn nghệ, thể thao**

UBND xã thường xuyên chỉ đạo Ban văn hóa xã duy trì các hoạt động văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn nhất của đất nước, đội văn nghệ quần chúng xã, bản thường xuyên tập luyện.

Trong năm do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên các hoạt động văn nghệ cơ bản bị hủy, đến tháng 10, 11 xã mới tổ chức đoàn văn nghệ, đội bóng đá thanh niên đi thi đấu ở huyện, đội văn nghệ của xã đã đạt được nhiều giải cao và được huyện trưng tập đi biểu diễn ở tỉnh. Tổ chức văn nghệ, các môn thể thao truyền thống tại các bản, cụm bản nhân ngày Đại đoàn kết 18/11. Qua các phong trào văn nghệ, thể thao một mặt duy trì được nét đẹp văn hóa của các dân tộc trên địa bàn, vừa rèn luyện được sức khỏe và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

*** Về công tác bảo trợ xã hội**

UBND xã đã thực hiện tốt các chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn. Tổng số đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng của xã là 79 người, tổng kinh phí được Nhà nước chi trả trong năm là 58.464.000 đồng. Trong năm UBND xã thường xuyên chỉ đạo công chức phụ trách lĩnh vực Thương binh lao động xã hội và các bản rà soát các đối tượng bảo trợ để lập hồ sơ cho hưởng chế độ của Nhà nước theo quy định, qua đó giảm được những khó khăn về kinh tế cho các đối tượng yếu thế trong xã hội trên địa bàn xã.

Thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ- TTG ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do Đại dịch covid- 19, các đối tượng bảo trợ, người có công, hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn xã được hỗ trợ 3 tháng tiền, cụ thể như sau:

Tổng số người có công là 3 trường hợp với số tiền là 117.500.000 đồng. Có đối tượng bảo trợ xã hội chỉ được hưởng trong tháng 4 do tuổi cao sức yếu chết trong tháng tư.

Hỗ trợ hộ nghèo là 363 hộ/2.025 khẩu với số tiền là 1.518.750.000 đồng
Hỗ trợ cận nghèo là 79 hộ/445 khẩu với số tiền là 333.750.000 đồng.

***Công tác giáo dục và đào tạo**

Thực hiện chương trình công tác giáo dục và đào tạo năm 2019-2020 BCD xã, các đoàn thể và các đơn vị trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các cháu học sinh đúng độ tuổi đến trường đầy đủ qua đó nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất cho năm 2020-2021 củng cố các lớp ở các bản. Xây dựng “ trường học thân thiện, học sinh tích cực” gắn với cổng trường an toàn giao thông, bảo vệ môi trường.

Tổng số học sinh trên địa bàn xã năm 2020- 2021 là 1.581 học sinh, trong đó: Trường Trung học cơ sở có 395 học sinh, số học bán trú là 315 học sinh. Năm học 2019-2020 tỷ lệ đỗ tốt nghiệp lớp 9 là 100%, số học sinh lên lớp đạt 94,5%. Trường Tiểu học có 754 học sinh, học sinh bán trú là 258 học sinh. Năm học 2019-2020 tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 100%. Trường Mầm non có 450 học sinh. Năm học 2019- 2020 tỷ lệ học sinh hoàn thành Mầm non 5 tuổi đạt 100%.

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của 3 đơn vị trường là 104 người, trong đó: Trường Trung học cơ sở là 28 người; Trường Tiểu học là 48 người; Trường Mầm non là 28 người.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên của các đơn vị trường cơ bản đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ

Năm học 2019-2020, do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19 nên các đơn vị trường trên địa bàn xã phải cho học sinh nghỉ học gần 3 tháng, tuy nhiên trong thời gian nghỉ học các đơn vị trường đã chuẩn bị tài liệu, bài tập cho học sinh tự học ở nhà để không quên kiến thức, khi được phép đi học lại các đơn vị trường nhanh chóng đẩy mạnh công tác dạy học ngày đêm, có trường thực hiện 3 ca để bồi đắp lại kiến thức cho học sinh, đảm bảo tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp đạt chỉ tiêu.

Vấn nạn tảo hôn, học sinh bỏ học đi làm ăn xã đã làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập của trường Trung học cơ sở. Một bộ phận không nhỏ người dân chưa ý thức, chưa quan tâm đến công tác học tập của con em mình, chủ yếu phó

thác cho các thầy cô, đặc biệt một số bậc phụ huynh là cán bộ, công chức, đảng viên chưa gương mẫu trong công tác vận động cho con em mình đến trường.

Bên cạnh những bất cập trên, ngoài ra do điều kiện kinh tế khó khăn, thời tiết diễn biến phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, trường trung tâm xa các điểm bản dẫn đến công tác duy trì sĩ số học sinh, công tác chuyên của học sinh có thời điểm chưa thực hiện tốt, đặc biệt vào dịp trước, sau tết nguyên đán hàng năm.

*** Công tác xóa đói giảm nghèo**

Ngay từ đầu năm UBND xã đã tăng cường chỉ đạo cán bộ, công chức xã, các bản và các hộ gia đình trên địa bàn xã ra sức thi đua lao động, học tập, tập trung sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm việc làm tại các công ty, xí nghiệp ở các tỉnh trên địa bàn cả nước, thay đổi giống cây trồng vật nuôi, tăng cường việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đào tạo nghề cho nông thôn (trong năm phối hợp với Trung tâm giáo dục thường xuyên hướng nghiệp của huyện mở được 3 lớp, với tổng số học viên là 95 học viên) để xóa đói, giảm nghèo và hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được UBND huyện giao trong năm 2020. Nhờ đó kinh tế - xã hội của xã và đời sống vật chất, tinh thần của người dân trên địa bàn xã từng bước được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo giảm, đạt kế hoạch của huyện giao, cụ thể như sau: Qua kết quả tổng rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã vào tháng 11/2020 hộ nghèo của xã còn 330 hộ, tỷ lệ hộ nghèo là 38,1%, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo là 4,9%, vượt kế hoạch của huyện giao là 6,5%; số hộ cận nghèo là 77 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo còn 8,9%, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 0,4%. Khác với mọi năm trước, năm 2020 trên địa bàn xã có 9 hộ nghèo tại 4 bản Thà Giàng Chải (3 hộ), Ka Sin Chải (3 hộ), Cha Pha Phòng (2 hộ), Seo Sáng (1 hộ) và 5 hộ cận nghèo của 3 bản Thà Giàng Chải (3 hộ), Seo Sáng (1 hộ), Ka Sin Chai (1 hộ) tự nguyện làm đơn xin ra khỏi hộ nghèo và hộ cận nghèo, đây là tiền lệ chưa từng có trên địa bàn xã, qua đây khẳng định người dân đã tự nhận thức được sự nghèo đói là một hạn chế cần tự lực, tự cường để vươn lên xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng, không trông chờ, ỷ lại, cố hữu muốn ở trong hộ nghèo, hộ cận nghèo để thụ hưởng các chính sách, sự hỗ trợ của Đảng, Nhà nước, cũng là một tín hiệu

đáng mừng trong công tác xóa đói, giảm nghèo của xã, các hộ này sẽ là những gương điển hình tiên tiến cần được phát huy, nhân rộng trong cộng đồng dân cư.

2.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên-kinh tế xã hội của xã Tả Ngảo.

2.3.1. Thuận lợi .

Xã có địa hình phức tạp, độ dốc cao do bị chia cắt bởi nhiều dãy núi đá hiểm trở nên giao thông đi lại khó khăn, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông – lâm nghiệp và chăn nuôi quy mô nhỏ (theo hộ gia đình), đặc biệt là trồng lúa và cây vụ đông. Việc dồn đổi ruộng đất từ ô thửa nhỏ thành ô thửa lớn cũng đã tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình sản xuất.

Mô hình sản xuất, vùng sản xuất đã được hình thành. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được áp dụng rộng rãi trong sản xuất. Các khâu dịch vụ của các hợp tác xã đã thực sự mang lại hiệu quả cho thành viên.

Những năm qua, được sự quan tâm của các cấp bằng các nguồn vốn đầu tư của sở nông nghiệp, công ty khai thác công trình thủy lợi đã kiên cố hóa được một số các kênh mương, nên việc tiêu thoát nước trong khu dân cư và một số diện tích sản xuất được thuận lợi. Cơ sở vật chất ngày càng được củng cố thêm như: bờ vùng, bờ thửa, cầu cống, kênh mương, đường ra đồng...

Mô hình sản xuất, vùng sản xuất đã được hình thành. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được áp dụng rộng rãi trong sản xuất. Các khâu dịch vụ của các hợp tác xã đã thực sự mang lại hiệu quả cho các hộ gia đình.

Sản xuất nông nghiệp luôn được sự quan tâm của UBND huyện, các phòng ban chuyên môn của huyện Sìn Hồ, đặc biệt là cấp ủy chính quyền của xã, tăng thêm thu nhập hàng năm cho người dân.

2.3.2. Khó khăn.

Đất đai sản xuất không bằng phẳng, chia làm nhiều khu. Hệ thống kênh mương tưới tiêu dài, bờ vùng, bờ thửa chưa được củng cố hóa nên việc điều hành sản xuất gặp nhiều khó khăn dẫn đến chi phí cao.

Thời tiết diễn biến bất thường tiếp tục ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp do biến đổi khí hậu, rét đậm, khô hạn vẫn xảy ra và kéo dài trong sản xuất vụ xuân. Tình hình mưa bão, úng ngập trong sản xuất vụ mùa, vụ đông vẫn

tái diễn khó lường. Dịch bệnh tả lợn Châu phi phát sinh lây lan trong chăn nuôi. Tỷ lệ lao động chính trong sản xuất nông nghiệp ngày càng ít, lao động trẻ chủ yếu đi làm trong các khu công nghiệp và đi làm ăn xa. Giá ngày công lao động tăng, giá nông sản thấp không tương xứng với ngày công lao động, việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, con vật nuôi, vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Trong điều kiện của những năm trước đây sự chuyển dịch và phát triển kinh tế dựa trên cơ sở tập trung khai thác các ngành mũi nhọn, các vùng có tiềm năng là đúng hướng. Song trong điều kiện mới có một số nhân tố ảnh hưởng đến quy hoạch đã có sự biến động. Vì vậy, cần phải có sự bổ sung, điều chỉnh thường xuyên và kịp thời, nhất là vấn đề về thị trường. Đa số người dân vẫn sản xuất theo hướng tự phát mà chưa nghiên cứu tới yếu tố thị trường đặc biệt là thị trường đầu ra cho sản phẩm.

- Hạ tầng đảm bảo cho phát triển kinh tế nông nghiệp còn nhiều hạn chế chưa được đầu tư đồng bộ và đã xuống cấp, đặc biệt là về giao thông và thủy lợi. Vào mùa mưa việc đi lại ở các xã vùng sâu, vùng xa cực kỳ khó khăn còn vào mùa khô thì lại thiếu nước phục vụ sản xuất trầm trọng do hệ thống các công trình thủy lợi mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ cho tưới tiêu.

- Cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp xã trong những năm qua chuyển dịch còn chậm, đặc biệt tại các xã vùng 3 do điều kiện kinh tế, xã hội, giao thông không thuận tiện, nhận thức của đa phần người dân còn hạn chế nên việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn nhiều hạn chế. Cơ cấu ngành trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng giá trị sản xuất, trong khi đó tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng lên không đáng kể, tỷ trọng ngành lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ nhỏ bé thậm chí là không thể thống kê. Điều này cho thấy rằng nông nghiệp của huyện vẫn là ngành sản xuất sản phẩm thô là chính, lâm nghiệp và dịch vụ chưa phát triển do đó chưa khai thác được hết tiềm năng và thế mạnh làm cho phần đông người lao động bị kìm hãm trong các hoạt động trồng trọt mang nặng tính thời vụ là một sự lãng phí lớn.

- Khả năng tiếp cận với nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ngân sách của nhân dân còn thấp. Hoạt động tài chính, tín dụng chưa đáp ứng được nhu cầu phát

triển của huyện. Vốn đầu tư cho phát triển còn quá hạn chế. Một số công trình xây dựng cơ bản tiến độ chậm, chất lượng chưa đảm bảo. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường chưa chặt chẽ. Một số vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm được giải quyết.

- Tuy đã đạt được một số thành tựu ứng dụng khoa học và công nghệ vào nông nghiệp, nhưng nhìn chung, trình độ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp của huyện còn thấp. Mức độ cơ giới hóa và thủy lợi hóa chưa cao. Công nghệ trong lĩnh vực chế biến nông sản cũng lạc hậu. Hệ quả là năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của đa số các loại cây trồng, vật nuôi còn thấp, sản phẩm làm ra khó tiêu thụ. Công tác phối hợp xây dựng các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGap, mã số vùng trồng, chứng nhận nhãn hiệu sản phẩm... đã có tiến triển, tuy nhiên chưa tương xứng với lợi thế, thế mạnh của huyện.

- Về lao động nông nghiệp, phần lớn là có trình độ thấp, chưa qua đào tạo và lệ thuộc nặng vào mùa vụ nên năng suất lao động trong nông nghiệp thấp. Do đó, mặc dù đã có những cải thiện, nhưng đời sống của người nông dân còn gặp nhiều khó khăn. Điều này cũng làm giảm sức mua lớn của nền kinh tế vì phần đông dân cư sống ở nông thôn với mức sống thấp.

- Việc thực hiện chế độ chính sách bước đầu có hiệu quả, tuy nhiên còn tập trung nhiều cho các Doanh nghiệp, Hợp tác xã có tiềm lực chứ chưa đi sâu vào kinh tế hộ gia đình do đó chưa phát huy hết vai trò kích thích trong quá trình phát triển.

- Việc sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh cho cây trồng nhân dân vẫn chưa tuân thủ quy trình sản xuất nông sản sạch, an toàn. Đa số người dân chưa thực hiện theo nguyên tắc 4 đúng, sau khi sử dụng không thu gom vỏ bao bì chứa thuốc bảo vệ thực vật còn vứt bừa bãi trên nương, dưới nương, rãnh gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người và gây ô nhiễm môi trường.

CHƯƠNG III

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TẢ NGẢO, HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

3.1. Thực trạng phát triển kinh tế chung của xã Tả Ngảo.

Bảng 3.1: Tình hình phát triển kinh tế của xã Tả Ngảo

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
1. Công nghiệp	24,48	12	26,6	12,45	24,9	11,14
2. Nông nghiệp	139,76	68,58	144,78	67,81	151,31	69,53
3. Dịch vụ	39,6	19,42	42,14	19,74	43,16	19,32
Tổng	203,84	100	213,52	100	223,37	100

Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Tả Ngảo

Qua bảng trên ta thấy: Tổng giá trị sản xuất năm 2020 tăng 19,53 tỷ đồng so với năm 2018 và tăng 9,85 tỷ đồng so với năm 2018. Để đạt được kết quả như vậy toàn thể nhân dân cùng chính quyền địa phương xã đã không ngừng cố gắng học hỏi, tiếp thu những tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào công cuộc xây dựng nền kinh tế xã bền vững, cùng với sự hội nhập của đất nước. Với những biện pháp và cách làm tích cực ngành nông nghiệp có bước phát triển mới chiếm 68,58% năm 2018 trong cơ cấu kinh tế, đến năm 2020 tăng lên 69,53%.

Quá trình công nghiệp hóa đang có những tác động rõ nét vào sản xuất các ngành kinh tế, giảm tỷ trọng khu vực nông lâm và tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2019 đạt 26,6 tỷ đồng tăng 2,12 tỷ đồng so với năm 2018, chiếm 12,45% trong cơ cấu kinh tế. Trên địa bàn xã có 10 doanh nghiệp đang hoạt động khai thác, chế biến vật liệu xây dựng cho hiệu quả cao.

Hệ thống dịch vụ có xu hướng tăng, chiếm tỷ trọng 19,42% năm 2018. Năm 2019 chiếm 19,74% tăng 0,32% nhưng đến năm 2020 lại có xu hướng giảm. Nguyên nhân do hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong thời gian qua phát triển khá phong phú và đa dạng. Trong xã đã khai thác được lợi thế của thị trường như dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải, dịch vụ bến bãi, bưu chính viễn thông... Năm 2019 đến năm 2020 dịch vụ có xu hướng giảm do ảnh hưởng của dịch Covid 19.

Đạt được những kết quả này là nhờ vào việc duy trì, phát triển các ngành nông nghiệp và đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ. Đặc biệt, nhờ có sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của Đảng, chính quyền địa phương, những chính sách khuyến khích về điều kiện mặt bằng sản xuất, vốn đầu tư... đã góp phần cho sự phát triển kinh tế của xã.

3.2. Thực trạng phát triển kinh tế nông nghiệp của xã Tả Ngảo.

Trong 3 năm qua, hoạt động sản xuất nông nghiệp của các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản tại xã đã đạt được những kết quả nhất định, thể hiện ở bảng 3.2 như sau:

**Bảng 3.2 Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp xã Tả Ngảo
giai đoạn 2018-2020**

Chỉ tiêu	Năm 2018 (tỷ đồng)	Năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2020 (tỷ đồng)	TĐPTBQ (%)
1. Trồng trọt	48,6	50,78	52,91	104,33
2. Chăn nuôi	64,76	65,42	67,6	102,16
3. Thủy sản	26,4	28,58	30,8	108,01
Tổng	139,76	144,78	151,31	104,05

(Nguồn: Ủy ban nhân dân Tả Ngảo)

Qua bảng 3.2 ta thấy tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp có xu hướng tăng với tốc độ phát triển bình quân đạt 104,05%. Nguyên nhân là do

trong năm 2020 giá các loại nông sản và giá vật nuôi, giá thịt gia súc, gia cầm tăng nên kéo theo giá trị ngành trồng trọt và chăn nuôi tăng. Bên cạnh đó một số yếu tố quan trọng để giá trị sản xuất nông nghiệp luôn đạt được mức tăng dần qua các năm là do thời tiết thuận lợi, các loại sâu bệnh giảm nhờ công tác chỉ đạo của các cấp. Đặc biệt là phòng ban chức năng, vai trò trực tiếp chỉ đạo sản xuất nông nghiệp đã tìm hiểu, hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi, thị trường tiêu thụ nên giá trị năm 2020 đạt 151,31 tỷ đồng. Qua hơn 2 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, việc tuyển chọn, thay đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả nhất định.

Trong tất cả các ngành thì thủy sản đạt giá trị thấp nhất nguyên nhân là do xã ở vùng sâu vùng xa giao thông đi lại còn khó khăn, công tác thủy lợi kênh rạch còn yếu kém người dân khó khăn trong việc làm ao hồ, thường xuyên xảy ra bão lũ, khí hậu khắc nghiệt, nhiệt độ thấp không phù hợp cho nhiều loại thủy hải sản có giá trị sinh sống, trình độ nhận thức của người dân rất thấp, tuy nhiên trong nội bộ ngành có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2018 đạt 26,4 tỷ đồng đến năm 2019 đạt 28,58 tỷ đồng tăng 2,18 tỷ đồng và năm 2020 2,22 tỷ đồng so với năm 2019 với tốc độ phát triển bình quân 108,01%. Nguyên nhân giá trị thủy sản gia tăng là do sự chuyển đổi một số giống có loài cá có năng suất cao, người dân đã dần thay đổi nhận thức, phương thức lạc hậu, thay vào đó áp dụng các biện pháp KHKT vào. Nhưng đây cũng là ngành có tốc độ phát triển bình quân lớn nhất trong 3 ngành nông nghiệp của xã.

Ngành trồng trọt vẫn chiếm giá trị cao của xã tuy nhiên trong nội bộ ngành có xu hướng tăng dần qua các năm gần đây. Năm 2018 đạt 48,6 tỷ đồng đến năm 2019 tăng 2,18 tỷ đồng, đến năm 2020 tăng 2,13 tỷ đồng với tốc độ phát triển bình quân đạt 104,33%. Nguyên nhân giá trị ngành trồng trọt gia tăng là do sự chuyển đổi một số giống cây trồng có năng suất cao, người dân đã dần thay đổi các phương thức canh tác lạc hậu, thay vào đó áp dụng các biện pháp KHKT vào sản xuất.

Ngành chăn nuôi có giá trị cao nhất, sự tăng giảm của ngành chăn nuôi thay đổi theo các năm về mặt giá trị và tốc độ. Năm 2018 đạt 64,76 tỷ đồng đến năm 2019 đạt 65,42 tỷ đồng tăng 0,66 tỷ đồng đến năm 2020 đã tăng 2,84 tỷ

đồng, tốc độ phát triển bình quân 102,16%. Nguyên nhân do dịch bệnh bùng phát như tai xanh ở lợn và dịch cúm gia cầm đã tác động tới sản lượng của ngành chăn nuôi từ đó giảm giá trị thu được và mặt khác giá thức ăn vật nuôi cao, chất lượng con giống kém ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng vật nuôi, nhiều hộ đã ngừng chăn nuôi do thiếu vốn đầu tư.

3.2.1 Thực trạng phát triển trồng trọt của xã Tả Ngảo

Bảng 3.3 Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính (năm 2020)

Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (Tấn)
1. Lúa	305,9	5,06	1547,854
2. Ngô	321,3	3,2	1028,16
3. Đậu tương	4,3	0,36	1,54
4. Sắn	150	1,16	174
5. Lạc	50	2,12	106
6. Chè	45	2,7	121,5

(Nguồn: Ủy ban nhân dân xã Tả Ngảo)

Sản xuất nông nghiệp luôn được sự quan tâm của UBND huyện, các phòng ban chuyên môn huyện Sìn Hồ, đặc biệt là cấp ủy chính quyền của xã, xác định rõ về lĩnh vực kinh tế mũi nhọn đảm bảo an ninh lương thực hàng năm, tăng thêm thu nhập cho nhân dân. Tổng diện tích gieo cấy trong các năm 2018-2020 cụ thể như sau:

- Lúa nước 305,9 ha, đạt 130.2% kế hoạch, năng suất 50,6 tạ/ha, đạt 111,2% kế hoạch; sản lượng 1547,854 tấn, đạt 100,3 % so với kế hoạch huyện giao.

- Lúa đông xuân là 5 ha, đạt 100% kế hoạch, năng suất đạt 30 tạ/ha, đạt 66% kế hoạch huyện giao.

- Lúa nương 136,18 ha, đạt 151,3% kế hoạch, năng suất 17,2 tạ/ha, đạt 163,8%; sản lượng 177,3 tấn, đạt 186,6 % kế hoạch huyện giao.

- Ngô xuân hè 321,3 ha, đạt 66,3%, năng suất 32 tạ/ha, đạt 102,5% kế hoạch; sản lượng 1028,16 tấn, đạt 67,4 % kế hoạch huyện giao. Diện tích cây ngô giảm do chuyển đổi một phần sang trồng chè.

- Ngô Đông xuân 15 ha; năng suất 15 tạ/ha; sản lượng 22,5 tấn, đạt 187,5% so với kế hoạch huyện giao.

- Diện tích cây Đương quy 9,5 ha, năng suất đạt từ 8-9 tấn/ha, cho thu nhập đạt từ 150-170 triệu đồng/ha (Đơn giá bình quân 20.000đồng/kg).

- Trồng mới được 45 ha chè, đạt 69,2 % kế hoạch giao, năng suất 27 tạ/ha, sản lượng 13.5 tấn. Do nguồn kinh phí hỗ trợ của huyện hết nên không thực hiện được diện tích còn lại.

- Diện tích cây sắn là 150 ha, năng suất 11,6 tạ/ha, sản lượng 174 tấn.

- Diện tích cây Lạc là 50 ha, năng suất 21,2 tạ/ha, sản lượng 106 tấn.

- Đậu tương là 4,3 ha, năng suất 3,6 tạ/ha, sản lượng 106 tấn.

- Diện tích trồng chè 17,3 ha, đạt 121,5 kế hoạch huyện giao

Trong năm do bị ảnh hưởng bởi mưa đá nên một số diện tích cây trồng đã bị ảnh hưởng, thiệt hại khoảng 600 triệu đồng. Do mùa mưa kéo dài nên đã ảnh hưởng tới việc thu hoạch ngô, lúa vụ mùa của người dân, một số hộ dân ngô, lúa bị lên mống làm ảnh hưởng tới năng suất.

Tổng sản lượng lương thực có hạt 2.698 tấn, đạt 100,3 % so với kế hoạch huyện giao. Lương thực bình quân là 556 kg/người/năm. Thu nhập bình quân đầu người đạt 22 triệu đồng/người/năm.

3.2.2 Thực trạng phát triển chăn nuôi của xã Tả Ngảo

Năm 2018 đàn gia súc của xã đạt 3223 con trong đó chăn nuôi lợn là chủ yếu. Tổng đàn bò năm 2018 có 8 con, đến năm 2020 đàn bò đã đạt 12 con tăng 4 con so với năm 2018 và tăng 2 con so với năm 2019 (10 con). Chăn nuôi bò ở xã Tả Ngảo đã có những tăng trưởng tích cực. Thời gian tới xã vận động, tạo điều kiện cho các hộ chăn nuôi bò, thuê đất để chuyển bò ra chăn nuôi tại khu chăn

nuôi bò tập trung, tiếp tục tuyên truyền phát triển đàn bò để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Bảng 3.4. Kết quả chăn nuôi xã Tả Ngảo năm 2018-2020

Chỉ tiêu	Năm 2018 (con)	Năm 2019 (con)	Năm 2020 (con)	Tốc độ phát triển (%)		
				2019/2018	2020/2019	BQ
I. Gia súc	3223	3748	4369	116,28	116,56	116,42
1. Trâu	1189	1456	1680	122,45	115,38	118,86
2. Bò	8	10	12	125	120	122,47
3. Lợn	1624	1820	2120	112,06	116,48	114,25
4. Dê	402	462	557	114,92	120,56	117,71
II. Gia cầm	11200	13200	15200	117,85	115,15	116,49

(Nguồn: Ủy ban nhân dân Tả Ngảo)

Tổng đàn trâu năm 2018 của xã đạt 1189 con đến năm 2019 đã đạt 1456 con tăng 267 con, tốc độ phát triển liên hoàn đạt 122,45%, đến năm 2020 đàn trâu đã đạt 1680 tăng lên 224 con so với năm 2019 tốc độ phát triển liên hoàn đạt 115,38%. Tốc độ phát triển bình quân của ngành chăn nuôi trâu đạt 118,86%.

Từ năm 2019 đến năm 2020 đàn trâu có tốc độ phát triển chậm hơn so với năm 2018 là do khí hậu quá khắc nghiệt, đời sống dân cư còn thấp, hệ thống chuồng trại vệ sinh ăn uống chưa được đảm bảo và cải thiện.

Tổng đàn lợn năm 2020 đạt 2120 con đến năm 2018 giảm còn 1624 con, tốc độ phát triển liên hoàn đạt 130,54%. Số lượng lợn giảm năm 2018 do bùng phát dịch tả lợn châu Phi khiến số lượng lợn bị suy giảm. Việc tái đàn lợn được các hộ chăn nuôi ở xã thực hiện ở những trang trại lớn có hệ thống chuồng trại khép kín, bảo đảm an toàn sinh học, cùng với đó chất lượng đàn lợn đã được nâng lên, trong đó lợn hướng nạc có xu hướng phát triển rất mạnh mẽ cả về quy

mô địa bàn và quy mô chăn nuôi tập trung theo trang trại, đến năm 2019 tổng đàn lợn tăng rất nhanh đạt 1820 con với tốc độ phát triển liên hoàn so với năm 2018 đạt 112,06%. Tốc độ phát triển bình quân ngành chăn nuôi lợn đạt 114,25%. Nhiều năm nay lợn vẫn là vật nuôi chủ lực, duy trì tốc độ tăng trưởng tốt nhưng chăn nuôi lợn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhất là khi giá thịt lợn bấp bênh. Con “bão giá thịt lợn” kéo dài trong nhiều tháng cho thấy sự cần thiết phải đổi mới phương thức chăn nuôi nhằm nâng cao sức cạnh tranh. Do những tác động của thị trường tiêu dùng, người dân đã quan tâm đến số lượng và chất lượng đàn lợn để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Với mục tiêu đẩy mạnh phát triển chăn nuôi lợn tập trung, hướng tới xuất khẩu, xã Tả Ngảo đã quy hoạch vùng chăn nuôi lợn tập trung tạo hành lang kỹ thuật tốt đảm bảo quy trình chăn nuôi, cơ sở và vùng an toàn sinh học, xây dựng thương hiệu sản phẩm thịt lợn, giống lợn sạch an toàn thực phẩm. Xã đã đẩy mạnh chăn nuôi các giống lợn siêu nạc góp phần nâng cao năng suất vật nuôi, tăng khả năng cạnh tranh chất lượng của sản phẩm.

Đối với đàn gia cầm năm 2018 là 11200 con đến năm 2019 là 13200 tăng 2000 con, năm 2020 tổng đàn gia cầm đã tăng lên đạt 15200 con, tốc độ phát triển bình quân đạt 116,49%. Số lượng gia cầm tăng lên mạnh mẽ qua các năm do các hộ chăn nuôi đã thay đổi phương thức chăn nuôi từ quy mô nhỏ lẻ sang quy mô lớn hơn, trên địa bàn xã xuất hiện nhiều trang trại nuôi gà, vịt cung cấp thịt và trứng cho thị trường. Năng suất và chất lượng ngày một tăng, chăn nuôi gia cầm đã tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học công nghệ tiến tiến cả về con giống và trang thiết bị.

- Xã đã có công tác chỉ đạo cán bộ thú y xã thực hiện tiêm các loại vắc xin vụ xuân hè, thu đông trên đàn gia súc đảm bảo kế hoạch huyện giao. Đồng thời chỉ đạo công tác phòng chống rét cho đàn gia súc và các loại cây trồng vụ đông để kịp thời có biện pháp ứng phó.

3.2.3 Thực trạng phát triển lâm nghiệp của xã Tả Ngảo.

Trong nội bộ ngành lâm nghiệp cơ cấu sản xuất chủ yếu gồm 3 lĩnh vực hoạt động: Trồng và chăm sóc rừng, khai thác rừng, hoạt động khác. Cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng hoạt động khác,

tăng tỷ trọng trồng, chăm sóc rừng, tuy nhiên việc trồng rừng vẫn chủ yếu là phủ xanh đất trống đồi trọc, gia tăng độ che phủ chứ chưa chú trọng đến việc trồng rừng khai thác. Nhìn chung trong những năm qua diện tích rừng trồng mới đã được tăng lên tuy nhiên giá trị sản xuất của nhóm ngành lâm nghiệp lại giảm xuống, sản phẩm khai thác lâm sản chính vẫn là từ gỗ còn các lâm sản khác chỉ mang tính chất nhỏ lẻ và giá trị kinh tế không cao.

Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và xử lý vi phạm

UBND xã luôn xác định nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy rừng là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng trong năm, nên đã chủ động trong việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy rừng của xã, kiện toàn tổ đội chuyên trách ở các bản. Đồng thời xây dựng kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng với phương châm 4 tại chỗ và quyết tâm không để xảy ra cháy rừng vào mùa khô hanh. Để thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng và phòng, cháy chữa cháy rừng UBND xã đã xây dựng cam kết để cho các hộ dân trên địa bàn ký cam kết để thực hiện.

UBND xã đã chỉ đạo bản Thà Giàng Chải phát đường băng cản lửa tại khu Nậm Cày với chiều dài gần 2 km. Đồng thời tổ chức họp bản tuyên truyền được 26 lượt, với tổng số lượng người nghe là 1.475 người. Trong năm 2020 trên địa bàn xã không để xảy ra vụ cháy rừng nào.

Trong năm 2020, UBND xã đã phát hiện 3 vụ phá rừng, xử lý tại xã 2 vụ, tổng số tiền xử phạt là 3.500.000 đồng, còn 1 vụ vượt thẩm quyền đã chuyển lên Hạt kiểm lâm huyện để xử lý.

3.3. Đánh giá sự phát triển của ngành nông nghiệp xã Tả Ngảo.

3.3.1. Thành tựu

Năm 2018 đến 2020 tuy thời tiết diễn biến phức tạp, lũ quét, sạt lở nghiêm trọng gây ảnh hưởng đến sản xuất vụ mùa số diện tích lúa nước, lúa nương, ngô bị lũ cuốn trôi, làm giảm số diện tích cây trồng. Nhưng cấp ủy, chính quyền xã tích cực vận động nhân dân thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của huyện giao Nghị quyết của Đảng bộ, Nghị quyết của HĐND xã đề ra, tuy có giảm nhưng không đáng kể. Cán bộ và nhân dân trong xã đã phát huy truyền

thống đoàn kết, tích cực lao động sản xuất. Luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện tốt các chính sách pháp luật Nhà nước, từng bước xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, từng bước ý thức tự vươn lên làm giàu, nhân rộng các điển hình làm kinh tế giỏi. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện.

Năm 2020 do chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai và thời tiết khắc nghiệt xong với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của người dân nên việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của huyện giao, Nghị quyết của HĐND cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được cải thiện.

Các dịch vụ văn hóa, y tế, xã hội từng bước được nâng lên, giáo dục và đào tạo có nhiều đổi mới, an ninh chính trị, quốc phòng được giữ vững.

Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhất là chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, công tác xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội được quan tâm đúng mức.

Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hóa cơ bản đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Những mâu thuẫn, bức xúc, đơn thư khiếu kiện của người dân kịp thời được giải quyết.

Chủ động, tích cực trong công tác phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn, giảm thiểu thiệt hại của nhân dân do mưa lũ gây ra. Khắc phục hậu quả sớm ổn định cuộc sống của nhân dân. Triển khai có biện pháp hướng dẫn nhân dân điều trị, chăm sóc bệnh Lở mồm, long móng ở đàn trâu, cách ly đàn gia súc không chế không để bệnh lây lan diện rộng. Kinh tế - xã hội đến hết năm 2019 – 2020 các chỉ tiêu đạt và vượt mức kế hoạch GDP tăng 4 -5 %/ năm bình quân lượng thực đầu người tăng 40 – 50kg/ người /năm.

Các chính sách hỗ trợ sản xuất, chính sách an ninh xã hội được quan tâm và thực hiện đầy đủ; các hoạt động sản xuất nông – lâm nghiệp chuyển biến tích cực. Công tác y tế, giáo dục từng bước được nâng lên, an ninh chính trị, quốc phòng được giữ vững.

Cơ sở vật chất các hạng mục công trình được quan tâm đầu tư, nhất là chương trình mục tiêu quốc gia về Nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hóa, chính sách xã hội từng bước được quan tâm. Công tác tiếp công dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được chỉ đạo giải quyết kịp thời

*** Tồn tại và hạn chế**

Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp phát triển còn kém chưa phát triển được cây xuất khẩu, cây trồng hàng hóa và con nuôi đặc sản vào sản xuất. Việc triển khai thực hiện một số đề án phát triển kinh tế ở bản còn hạn chế.

Công tác kiểm tra đôn đốc chưa thường xuyên, xử lý thưởng phạt chưa kịp thời, chưa dám mạnh dạn kinh doanh, còn ngại khó khăn, sợ trách nhiệm nên dịch vụ cung ứng vật tư kết hợp tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ làm đất hiệu quả chưa cao.

Việc triển khai sản xuất của một số bản còn hạn chế, một số hộ chưa thực sự chấp hành các nội quy, quy định của tập thể của bản như: Chưa thực hiện đúng vùng sản xuất, giống đúng quy định, chưa tham gia đi họp và tập huấn kỹ thuật...

3.4. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế nông nghiệp của xã.

Yếu tố đầu tiên quan trọng nhất gắn liền với sản xuất nông nghiệp:

+ Điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu: Sản xuất nông nghiệp tiếp tục chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, thời điểm diễn biến phức tạp, trong vụ xuân thời tiết rét đậm kéo dài vài ngày, cuối vụ mưa bão diễn ra trên diện rộng làm ảnh hưởng tới sinh trưởng và phát triển của cây trồng, thiên tai, dịch bệnh cây trồng vật nuôi diễn biến phức tạp ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất nông nghiệp.

+ Nguồn nhân lực: Nguồn lao động của xã trong ngành nông nghiệp giảm hơn so với những năm trước, số lượng người trong độ tuổi lao động có một số bộ phận đi làm công nhân ở các khu công nghiệp xa nhà chủ yếu là các thanh niên khỏe mạnh, bởi thu nhập các khu công nghiệp cũng cao hơn so với ngành nông nghiệp và ổn định hơn nên chuyển đổi cơ cấu lao động trong xã cũng có sự

thay đổi. Còn lực lượng lao động chủ yếu của xã đa phần là trung niên, người già nên năng suất lao động trong ngành lao động nông nghiệp của xã không cao

+ Sự quản lý của chính quyền: Đưa ra các phương án phát triển cho ngành nông nghiệp xã, đồng thời có các phương pháp kiểm tra, giám sát và hỗ trợ các hoạt động nông nghiệp của nông dân nhằm hướng đến phát triển một nền nông nghiệp bền vững. Vai trò quản lý của chính quyền thể hiện rõ nhất trong các chính sách nông nghiệp như: chính sách thuế, chính sách quản lý đất đai,... Sự quản lý của chính quyền với thị trường tiêu thụ hầu như bị bỏ lỏng, tình trạng được mùa mất giá liên tiếp xảy ra nhưng chưa có biện pháp nào giải quyết hiệu quả.

+ Công tác dự báo thị trường nông sản: Xã Tả Ngảo chưa có phòng ban chuyên trách phục vụ cho công tác dự báo thị trường nông sản làm cho bà con nông dân gặp nhiều khó khăn, những sản phẩm được sản xuất ra không thể tiêu thụ được. Sự quản lý của chính quyền với thị trường tiêu thụ hầu như bị bỏ lỏng, thị trường nông sản chưa được quản lý tốt. Tác động môi trường do sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã chưa được quan tâm đúng mức. Việc sử dụng các hóa chất trong sản xuất một cách tùy tiện dẫn đến dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, vượt quá mức cho phép nhất là trong sản xuất rau màu có vòng quay ngắn đang là vấn đề bức xúc. Các chính sách nông nghiệp của chính quyền nói trên hầu như chưa thể hiện được vai trò chủ đạo trong định hướng cho nông nghiệp xã phát triển bền vững.

+ Tình hình khai thác và sử dụng tài nguyên đất: Những năm qua quỹ đất có khả năng sản xuất nông nghiệp của xã được khai thác một cách triệt để.

+ Cơ giới hóa nông nghiệp còn hạn chế, cơ giới hóa chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất.

+ Trình độ và năng lực cạnh tranh thị trường của người nông dân còn thấp, xu hướng phát triển cơ cấu sản phẩm hướng tới giá trị cao diễn ra chậm.

+ Cán bộ hỗ trợ cho nông dân chưa hiệu quả tuy số lượng đông nhưng chỉ hoạt động theo các lần phát động phong trào sản xuất, dẫn đến hiểu biết của bà con nông dân về áp dụng công nghệ vào sản xuất còn yếu kém, làm cho nông nghiệp xã có phần trì trệ.

+ Về kinh tế: Diện tích sản xuất nông nghiệp giảm, kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư nhiều, hệ thống giao thông thủy lợi xuống cấp chưa được quan tâm sửa chữa.

+ Về xã hội: Tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn cao, thu nhập bình quân đầu người tuy có tăng nhưng còn chậm, y tế, giáo dục, văn hóa đều đảm bảo song chất lượng chưa cao.

+ Về môi trường: Việc sử dụng phân bón vô cơ, hóa chất, thuốc trừ sâu.. không đúng quy trình kỹ thuật, cộng với việc sử dụng quá nhiều hóa chất trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp đã làm môi trường sinh thái hủy hoại nghiêm trọng, cạn kiệt dinh dưỡng, dịch bệnh, dịch hại cây trồng và vật nuôi...

3.5. Biện pháp phát triển kinh tế nông nghiệp trên địa bàn xã Tả Ngảo.

3.5.1 Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của vùng.

Do vậy, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên vừa là nội dung, vừa là mục tiêu phát triển bền vững, vì thế phải đảm bảo sự hài hòa giữa môi trường tự nhiên với môi trường sống; phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng đi đôi với bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hợp lý tài nguyên đặc biệt là tài nguyên đất và tài nguyên nước. Các giải pháp cần tập trung vào những tác động này để thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững:

- Thứ nhất, nâng cao trách nhiệm, hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm phục vụ phát triển bền vững: Trong quá trình sử dụng tài nguyên, không chỉ khai thác tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên hiện có, mà cần coi trọng sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, vật liệu mới; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm mức phát thải khí nhà kính; thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường; ngăn chặn và từng bước khắc phục sự xuống cấp của môi trường tự nhiên do chủ quan con người, nhất là do các dự án phát triển kinh tế gây ra. Phân đấu từng bước có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng chủ động, tích cực thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính hợp lý; kiểm chế mức độ gia tăng ô

niêm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học; từng bước đạt tính hiệu quả và bền vững trong khai thác, sử dụng tài nguyên nhằm bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng sinh thái, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

- Thứ hai, cần tăng cường quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên đặc biệt là tài nguyên đất và tài nguyên nước: Tài nguyên phải được đánh giá đầy đủ, hạch toán trong tổng thể nền kinh tế, và được quản lý một cách hiệu quả, bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, trong đó lợi ích lâu dài là cơ bản, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng giai đoạn. Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên. Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; kết hợp bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp. Quy hoạch khai thác, bảo vệ nguồn nước, tăng cường quản lý nguồn nước theo lưu vực sông. Kiểm soát các hoạt động khai thác; đấu tranh, ngăn chặn tình trạng đánh bắt mang tính hủy diệt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Thứ ba, chủ động phòng chống thiên tai và tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh: Chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh cho từng giai đoạn; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh, giám sát biến đổi khí hậu và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. Trên cơ sở đó, thực hiện đồng bộ các giải pháp; dựa vào đặc điểm địa hình, đặc tính thổ nhưỡng bố trí nuôi trồng phù hợp. Lựa chọn cây trồng vật nuôi phù hợp với yếu tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên để tăng năng suất nông nghiệp. Nắm bắt tình hình thời tiết, dịch bệnh để đưa ra lịch thời vụ, lịch nuôi trồng, tránh bớt tác động tự nhiên như hạn hán, bão lũ, rét hại, dịch bệnh...

- Thứ tư, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để người dân hiểu và sử dụng hợp lý các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên vào trong sản xuất nông nghiệp: Sử dụng tiết kiệm quỹ đất với phương châm “tắc đất tắc vàng”, sử dụng

đất luôn đi liền với bồi bổ độ phì nhiêu đất, tiến hành thâm canh tăng vụ, chú ý bón nhiều các loại phân bón hữu cơ, phân xanh, phân rác làm tơi xốp đất và tạo điều kiện để nhiều sinh vật khác trong đất phát triển; tăng cường trồng mới và bảo vệ diện tích rừng đầu nguồn, không chặt phá rừng làm nương rẫy nhằm bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn đất, tránh hạn hán và bão lũ.

Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất, bảo vệ nguồn nước, tăng cường khả năng ứng phó, thiên tai dịch bệnh trong thời kì mùa màng. Dựa vào đặc điểm địa hình để bố trí nuôi trồng phù hợp. Lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp với các yếu tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, để tăng năng suất cây trồng. Nắm bắt tình hình thời tiết, các loại sâu, dịch bệnh để tránh bớt tác động tự nhiên như hạn hán, lũ lụt...để chủ động ứng phó một cách kịp thời và hiệu quả.

3.5.2. Phát triển thị trường sản xuất nông, thủy sản và giải pháp thị trường tiêu thụ nông sản.

Nắm bắt thị trường tiêu thụ, dự báo giá cả nhằm định hướng sản xuất nông nghiệp hợp lý. Xây dựng và nâng cấp các cơ sở chế biến nông sản trên địa phương. Phòng kinh tế làm tốt công tác xúc tiến thương mại, thông tin kinh tế, nghiên cứu thị trường và chính sách phát triển thị trường đối với từng loại sản phẩm, hàng hóa. Cần kiểm soát tốt thị trường đầu vào phục vụ cho nông nghiệp như: giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Tổ chức tốt hoạt động các chợ trên địa bàn, giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập để tái đầu tư

- Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm nông nghiệp, xây dựng thương hiệu nông sản cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn. Chú trọng phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản ra các địa phương trong cả nước và ngoài nước. Đặc biệt là một số mặt hàng nông sản chủ lực mà xã có ưu thế và có sức cạnh tranh cả thị trường. Đầu tư cho công tác nghiên cứu thị trường, công tác tiếp thị và xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản. Giữ vững và mở rộng thị trường đã tạo lập được, đẩy mạnh việc tìm thị trường mới, giảm sự tập trung vào một vài đối tác và việc mua bán qua thị trường và đối tác trung gian nhằm tăng hiệu quả xuất khẩu và tạo được thị trường ổn định cho các sản phẩm thế mạnh và mũi nhọn của xã.

3.5.3. Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn mới

Để phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng phải đi trước một bước. Trong những năm tới cần nâng cấp các công trình hiện có và phải đầu tư xây dựng các công trình quan trọng khác. Hệ thống giao thông vận tải, thông tin liên lạc phải đảm bảo thông suốt phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp. Xây dựng hệ thống chợ, các trung tâm bán buôn ở các vùng nông sản hàng hóa tập trung.

Giao thông: tập trung cải tạo, mở rộng và nâng cấp hệ thống đường giao thông chính của xã, với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, áp dụng linh hoạt các hình thức quyên góp nhân dân.

Thủy lợi: cần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác triệt để năng lực tưới tiêu, đáp ứng yêu cầu thâm canh tăng vụ, bảo vệ sản xuất và đời sống, giảm đến mức tối thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Hệ thống điện: Hiện nay trong toàn xã với 100% số hộ sử dụng điện phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt. Song việc cải tạo và nâng cấp hệ thống điện cũ và xây dựng lắp đặt thêm các trạm biến áp mới để đảm bảo tốt cho sản xuất là việc nên làm thường xuyên. Giải quyết vấn đề này góp phần vào việc thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn của xã trong những năm sắp tới.

Tăng cường sự lãnh đạo của đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân, sự chỉ đạo và điều hành của UBND xã, sự vào cuộc của các đoàn thể chính trị xã hội.

Từng bước nâng cao dân trí, thường xuyên bồi dưỡng và đào tạo cán bộ về chuyên môn nghiệp vụ, cán bộ nguồn đáp ứng với nhu cầu nhiệm vụ mới.

Xóa bỏ dần những phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Áp dụng những tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, chăn nuôi trồng trọt. Từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi. Tập trung chỉ đạo công tác trồng chè, trồng rừng năm 2021. Nâng cao tinh tự lực, tự cường, từng bước làm giàu chính đáng, xóa đói giảm nghèo bền vững.

Giải quyết tốt các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, giải quyết kịp

thời các chế độ chính sách cho người nghèo, người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn.

Tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đến mọi tầng lớp Nhân dân, tập trung tuyên truyền, vận động về chính sách dân số, luật hôn nhân gia đình, đặc biệt là vấn nạn tảo hôn để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh.

Vận động Nhân dân thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với phát triển kinh tế và chương trình xây dựng Nông thôn mới. Tập trung thực hiện tốt công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp khoa 2021-2026 trên địa bàn xã.

3.5.4 Thực hiện một số chính sách nông nghiệp, nông thôn mới.

Chính sách giá cho sản phẩm nông nghiệp: Do đặc điểm của sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào yếu tố tự nhiên có thể gặp rủi ro bởi thiên tai, đặc biệt là việc cung cầu hàng hóa nông sản kém co giãn so với sự biến động của giá cả trong cơ chế thị trường. Như vậy, việc hỗ trợ, trợ giá, bảo hiểm trong sản xuất nông nghiệp là sự cần thiết. Hơn nữa, nông sản là sản phẩm phục vụ nhu cầu đời sống xã hội cần được định hướng phát triển, đảm bảo nhu cầu nhất định cho xã hội.

Chính sách đào tạo nghề: Tăng cường công tác dạy nghề cho nông dân theo phương pháp huấn luyện IPM, học gắn liền với thực hành. Phối hợp với Sở ngành liên quan tổ chức các lớp dạy nghề cho nông dân tại các trung tâm dạy nghề và các trung tâm giáo dục cộng đồng. Khuyến khích nông dân tự học thông qua hình thức tham quan học hỏi các mô hình sản xuất tiên tiến.

Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực: Phân bổ lao động hợp lý giữa các vùng là biện pháp quan trọng để sử dụng đầy đủ và hợp lý nguồn nhân lực trong nông nghiệp. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, mở mang ngành nghề để thu hút lao động, giải quyết việc làm và khai thác hiệu quả thời vụ nông nhàn.

Chính sách đất đai: Đẩy nhanh tiến độ cấp quyền sử dụng đất nông nghiệp đến từng hộ nông dân theo chủ trương của Nhà nước, xác định mức độ hạn điền đối với đất nông nghiệp đặc biệt là các hộ phát triển trang trại. Ưu tiên và

khuyến khích các nông hộ mở trang trại nông nghiệp, thông qua các chính sách cấp, cho thuê sử dụng đất lâu dài.

Rà soát, lồng ghép, tranh thủ các nguồn vốn ngân sách cấp trên, ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia, vốn từ các tổ chức phi Chính phủ... vào đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp nông thôn. Tăng cường năng lực cho nông hộ, chủ trang trại. Hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất mới, nhân rộng mô hình có hiệu quả, hỗ trợ lãi xuất vốn vay để nông dân đầu tư sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh tổ chức lại hệ thống nông nghiệp theo hướng nông thôn mới. Gắn quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Coi việc xây dựng nông thôn mới vừa là mục tiêu, yêu cầu của phát triển bền vững, vừa là nhiệm vụ cấp bách, đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp CNH - HĐH đất nước nói chung và CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Qua đó tạo sự đồng thuận và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự đồng tâm, hiệp lực của toàn xã hội trong triển khai thực hiện; tập trung thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, bao gồm: Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, trọng tâm là công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất, thu hoạch và bảo quản. Khuyến khích các hoạt động tiêu thụ nông sản. Xây dựng mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm, thú y, bảo vệ thực vật ở cơ sở. Hỗ trợ khuyến khích phát triển dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp để áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật và sản xuất.

3.5.5 Thâm canh tăng năng suất cây trồng, con vật nuôi phù hợp.

- Cần nghiên cứu, tổ chức triển khai ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học và kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm, thủy sản. Đầu tư trang thiết bị máy móc để cơ giới hóa trong sản xuất, áp dụng các loại giống mới chất lượng năng suất cao và chống chịu bệnh tốt; ứng dụng khoa học công nghệ phù hợp với điều kiện tự nhiên cũng như trình độ canh tác của nhân dân trên địa bàn xã nhằm

không ngừng tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, rút ngắn chu kỳ sản xuất, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa theo hướng thị trường. Trước hết cần rà soát và hoàn thiện quy hoạch, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn để có điều kiện ứng dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến cho những cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế, tính hàng hóa cao, các loại cây trồng trái vụ; chuyên canh để có nông sản hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến, ưu tiên phát triển các cây trồng và vật nuôi có quy mô xuất khẩu tương đối lớn và thị trường ổn định, đặc biệt coi trọng các sản phẩm quý hiếm là đặc sản của địa phương mà xã có lợi thế.

3.5.6 Giải pháp về khoa học công nghệ, môi trường và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh mới của hội nhập kinh tế trong điều kiện khí hậu ngày càng biến đổi và diễn biến phức tạp, người nông dân sẽ buộc phải đẩy mạnh sản xuất theo quy mô lớn, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về môi trường và an toàn thực phẩm nhất là áp dụng các mô hình sản xuất tiên tiến theo chuẩn Vietgap, GlobalGap... trong nông nghiệp để sản phẩm làm ra đảm bảo yêu cầu chất lượng và đáp ứng được các cam kết khắt khe trong hội nhập.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ; tăng nhanh trang bị kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất nông nghiệp và nông thôn, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật tiên tiến cho nông dân; đẩy mạnh sản xuất và sử dụng sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp, đặc biệt là các máy móc, thiết bị vừa và nhỏ. Nâng cao dần trình độ công nghệ chế biến, công nghệ bảo quản sau thu hoạch. Lựa chọn và nhanh chóng tiếp thu những công nghệ hiện đại, phương pháp quản lý tiên tiến.

- Chủ động phối hợp với các trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiên bộ khoa học công nghiệp phát triển nông nghiệp, trước hết tập trung vào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng chuyên canh tập trung lớn, vùng sản xuất hàng hóa chất lượng cao. Tìm kiếm các giống cây, con mới có năng suất cao đưa

vào sản xuất thử nghiệm, chọn các giống tốt ở địa phương, ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, thâm canh để tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của xã còn phải nhằm nâng tỷ trọng và tốc độ phát triển của công nghiệp và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế toàn xã. Muốn vậy, phải coi việc phát triển công nghệ sinh học và công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của hàng nông sản.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn nông dân không lạm dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các chất kích thích sinh trưởng để tăng năng suất, sản lượng cây trồng; sử dụng đúng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cho phép và thu gom, xử lý đúng cách bao bì thuốc sau khi sử dụng; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của nông dân trong sản xuất theo hướng nông nghiệp sinh thái bền vững, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

3.5.7. Tăng cường phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn xã phải thực hiện trên mối quan hệ hữu cơ với chiến lược phát triển kinh tế của thị xã. Phát triển nông, thủy sản theo chiều sâu trên cơ sở khai thác có hiệu quả các nguồn lực cùng với thực hiện CNH-HĐH để tạo ra một nền nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao, đảm bảo thỏa mãn nhu cầu hiện tại và tương lai.

Đẩy mạnh tổ chức hệ thống nông nghiệp theo hướng nông thôn mới. Tập trung thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, bao gồm: tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Quy hoạch phát triển nông nghiệp, thủy sản thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, trọng tâm là công nghệ sinh học, công nghệ sản xuất, thu hoạch và bảo quản. Hỗ trợ khuyến khích phát triển dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp để áp dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Phát huy kết quả đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016, ban chấp hành Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo, huy động các nguồn lực thực hiện các chỉ tiêu chưa đạt, nâng cao chất lượng tiêu chí đã

đạt, thực hiện cứng hóa 8,8km đường trục chính nội đồng, nâng cấp... km đường trục thôn, xây dựng rãnh thoát nước khu dân cư, chỉnh trang đường hoa gắn với vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, xử lý 2000 tấn. Tổng số vốn đã huy động được từ các nguồn là hơn 100 tỷ đồng, đến nay xã đạt 19/19 tiêu chí (49/49 chỉ tiêu) nông thôn mới theo quyết định 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đang thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo kiểu mẫu theo Quyết định 691/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Phối hợp với ngành của xã Chuyên Ngoại thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ cho nông dân, gắn kết các nhà khoa học với doanh nghiệp và nông dân. Phối hợp với địa phương tăng cường và nâng cao chất lượng công tác khuyến nông, khuyến lâm. Khuyến khích phát triển các cửa hàng cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời vận động, hướng dẫn và tổ chức cho nông dân làm phân chuồng để cải tạo đất.

3.5.8 Giải pháp về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Vấn đề xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng là rất cần thiết và chiếm vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế nói chung và kinh tế nông nghiệp nói riêng của xã Tả Ngảo. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, kết cấu hạ tầng của xã vẫn còn nhiều hạn chế và yếu kém; Để nhanh chóng xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng, cần phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ. - Một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay, đó là vốn đầu tư từ Nhà nước. Trong khi yêu cầu phải tăng tỷ lệ đầu tư cho phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng đồng bộ, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nhưng hiện nay vốn đầu tư cho khu vực này vẫn còn thấp. Do đó, cần nhanh có cơ chế chính sách khuyến khích hơn nữa các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng. Cùng với việc tăng cường đầu tư cho kết cấu hạ tầng, cần nâng cao ý thức của người dân cũng như đào tạo các kỹ năng xác định các cơ sở hạ tầng cần thiết và kỹ năng giám sát chất lượng các dự án phát triển kết cấu hạ tầng quy mô nhỏ tại địa phương để góp phần nâng cao được hiệu quả vốn đầu tư. Đổi mới cơ chế, chính sách để huy động mạnh nguồn lực đất đai vào phát triển hạ tầng. - Cần tập trung ưu tiên những hạng mục kết cấu hạ tầng thiết yếu,

có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Trên cơ sở đó, huy động tối đa các nguồn lực trong xã hội, đặc biệt là các nguồn lực trong nhân dân, để đầu tư phát triển. Điều quan trọng là phải tạo được bước chuyển thực sự về nhận thức trong nhân dân, bởi lẽ chỉ khi nhân dân đồng thuận hưởng ứng, thì việc huy động các nguồn lực mới có hiệu quả.

- Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đặc biệt kết cấu hạ tầng nông thôn phải gắn với phát triển các chuỗi giá trị nông nghiệp. Tăng cường kết cấu hạ tầng kết nối liên xã, liên huyện, kết nối nông thôn - đô thị, tăng cường liên kết vùng. Đặc biệt ở các xã vùng 2, vùng 3, vùng đặc biệt khó khăn cần được ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng nhằm phát triển kinh tế nông nghiệp cho tương xứng với tiềm năng đồng thời bắt kịp nhịp độ kinh tế với các xã khác ở trong huyện.

- Phát triển hạ tầng nông nghiệp nông thôn phải đảm bảo: Phát triển giao thông nông thôn, nội đồng, cứng hóa đường lâm sinh trọng yếu, ưu tiên vùng khó khăn, đảm bảo giao thông thông suốt; tập trung đầu tư thủy lợi đảm bảo chủ động nước tưới cho phần lớn diện tích sản xuất nông nghiệp; phóng tuyến điện đến tận thôn xóm vùng cao, xa bảo đảm đủ điện phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với các tiêu chí cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng vùng. Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.

3.5.9 Phát huy vai trò của Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp.

Cần phát huy hơn nữa vai trò của Nhà nước trong việc điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn từ huyện đến cơ sở. Thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Cần tăng cường sự lãnh đạo của các Cấp ủy Đảng, năng lực triển khai thực hiện của hệ thống chính quyền từ huyện đến cơ sở thực thi các chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế nông nghiệp. Xác định được tầm quan trọng và mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế nông nghiệp với giải quyết các

vấn đề xã hội đối với huyện miền núi như xã Tả Ngảo. Trên cơ sở các mục tiêu, chỉ tiêu lớn đặt ra, các cấp, các ngành cần hoạch định các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nông nghiệp, kết hợp đồng bộ sự phát triển các ngành kinh tế khác. Cần có cơ chế vận dụng linh hoạt, phù hợp để nhận được sự đồng tình hưởng ứng nhân dân.

– Xã cần xây dựng các chính sách về đất đai, có quy hoạch và cơ chế bảo vệ vững chắc đất trồng cây lương thực và cây công nghiệp, có cơ chế sử dụng đất lâm nghiệp, đất vườn nhà, vườn đồi. Thực hiện việc dồn điền đổi thửa và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ, cơ sở hành nghề nông thuê đất hoạt động kinh doanh, miễn thuế đất cho các cơ sở sản xuất mới hình thành; xây dựng hoàn chỉnh chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Xây dựng cơ chế đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn một cách linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của huyện; có chính sách về vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp đặc biệt là các mô hình phát triển nông nghiệp trang trại và Hợp tác xã, điều chỉnh cơ cấu đầu tư từ ngân sách nhà nước, ưu tiên bố trí các nguồn đầu tư phát triển nông nghiệp, tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi khuyến khích các ngân hàng cho vay đối với nông nghiệp; hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ máy móc, thiết bị, ứng dụng khoa học kỹ thuật, giống vào sản xuất cho nông dân. Có chính sách ưu tiên cho các cơ sở và hộ nông dân tiếp thu thành tựu của khoa học, công nghệ mới trong việc phát triển kinh tế vườn, trang trại và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và đào tạo nâng cao trình độ cho nông dân

3.5.10 Tăng cường năng lực cho nông hộ, định hướng các loại hình sản xuất nông nghiệp chính.

Cần có những giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, cải thiện sinh kế cho cư dân nông thôn.

Hỗ trợ người nghèo, trong đó tập trung vào những nhóm đối tượng mục tiêu trọng tâm là người nghèo và cận nghèo ở nông thôn, đặc biệt là nhóm dân tộc thiểu số và phụ nữ. Đảm bảo khả năng tiếp cận của phụ nữ và đồng bào dân tộc

thiếu số với dịch vụ khuyến nông. Tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện để người nghèo nông thôn được tham gia vào chuỗi giá trị nhất định thông qua tăng cường năng lực cho các nhóm nghèo, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào các vùng khó khăn, kém phát triển. Nhà nước phối hợp với các tổ chức đoàn thể hỗ trợ hình thành các nhóm đồng lợi ích để thúc đẩy quá trình chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, trong đó khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ giữa những nông dân khá giả hơn và nhóm nông dân nghèo hơn.

- Tăng cường tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức sản xuất nông nghiệp cho nông dân và cán bộ làm công tác quản lý nông nghiệp. Thực hiện liên kết đào tạo với các trường dạy nghề của tỉnh và trung ương, cử người đi học các lớp nâng cao kỹ thuật tổ chức sản xuất nông nghiệp, tăng khả năng thương mại trong nông nghiệp. Xây dựng cơ chế hỗ trợ đào tạo nhóm nông dân nòng cốt, phát huy vai trò của nhóm nông dân này trong việc xã hội hóa kiến thức phát triển kinh tế nông nghiệp. Cấp tài liệu sản xuất nông nghiệp đơn giản dễ đọc, dễ hiểu và hướng dẫn để nông dân thực hiện.

- Định hướng các loại hình kinh tế cho nông dân, tương ứng với quy mô, mức độ ảnh hưởng và tạo ra hiệu quả kinh tế nông nghiệp. Xác định vai trò to lớn của kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại để có sự phân loại tổ chức sản xuất và đầu tư vốn hiệu quả; tạo điều kiện để các hộ nông dân sản xuất lớn theo quy mô trang trại, Hợp tác xã nhằm nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững, cải thiện chất lượng nông sản phẩm: hỗ trợ về hạ tầng sản xuất, tiếp cận KH - CN, hỗ trợ tăng cường liên kết chuỗi giá trị và xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm; hỗ trợ một phần chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng khu trang trại tập trung; hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống xử lý môi trường, nhất là các trang trại chăn nuôi, thủy sản.

KẾT LUẬN

Qua việc tìm hiểu và nghiên cứu tình hình phát triển nông nghiệp ở xã Tả Ngảo từ 2018 -2020 tôi thấy xã có nhiều thuận lợi để tiếp tục phát triển ngành nông nghiệp, cho nên kết quả sản xuất nông nghiệp đạt khá cao. Song bên cạnh đó vẫn có những khó khăn do chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tự nhiên không thuận lợi chính vì vậy công tác phát triển ngành nông nghiệp đối với xã rất quan trọng bởi diện tích đất nông nghiệp trong xã chiếm tỷ trọng rất cao và người dân chủ yếu sinh sống bằng nghề nông. Việc thực hiện công tác này nhằm đánh giá đầy đủ, khoa học những tiềm lực phát triển, đánh giá những tác động của bối cảnh kinh tế chính trị của xã, cả nước, khu vực và thế giới từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để định ra các phương án phát triển phù hợp.

Xác định những khâu đột phá đưa kinh tế xã Tả Ngảo phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững theo kịp với các xã khác. Do vậy cần có sự nỗ lực lớn của toàn Đảng, toàn dân xã Tả Ngảo trong việc khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực nội sinh cũng như tận dụng tối đa nguồn lực từ bên ngoài, tranh thủ sự hỗ trợ giúp của tỉnh Lai Châu để thực hiện đầu tư có trọng điểm. Qua nghiên cứu thực trạng phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã, tôi đã đề xuất một số giải pháp phát triển nông nghiệp của xã. Cụ thể như sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của vùng; phát triển thị trường sản xuất nông, thủy sản; xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn mới; tăng cường phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tăng cường phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện một số chính sách nông nghiệp, nông thôn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 13/2019/ NQ - HĐND, ngày 23/7/2019 Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu
2. Nghị quyết số 38/2019/NQ – HĐND ngày 11/12/2019 Thông qua đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn Tỉnh Lai Châu
3. Nghị quyết số 25/2018/NQ – HĐND ngày 08/12/2018 Quy định và mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, công tác quản lý giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018 -2020
4. Nghị quyết số 33/2018/NQ, ngày 28/07/2018 quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2018-2020 và các Nghị quyết sửa đổi bổ sung số 26/2018/NQ – HĐND, 40/2019/NQ – HĐND
5. Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp của các chương trình mục tiêu Quốc gia gian đoạn 2018-2020.
6. Ủy ban nhân dân xã Tả Ngảo, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và kế hoạch năm 2021.*
7. Nguyễn Hữu Tiến (2008), *Phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn ở Việt Nam*, NXB Nông nghiệp.
8. Ủy ban nhân dân xã Tả Ngảo, *Báo cáo kết quả thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã Tả Ngảo gian đoạn 2016-2020.*

